

VĂN-HỌC

TẠP CHÍ

CƠ QUAN CHUYÊN KHOA, CƯU, BẢN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI VỀ QUỐC - VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^o VÀ 15.

Revue littéraire paraissant le 1^{er} et le 15 de chaque mois

MỤC LỤC

1 - Năm mới nước cũ	121
2 - Phong - dao có liên lạc gì với quốc - sử ?	125
3 - Bần-nữ thán dân giải	134
4 - Số đặc-biệt về ngày kỷ-niệm Văn-Học tạp chí xuất bản	136
5 - Văn thơ	137
6 - Cũng một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc - ngữ thành một thứ văn tự hoàn - toàn	140
7 - Những chuyện lý - thú trên đàn văn : 1 ^o ông Huỳnh Phan - Thái với thầy chùa	165
2 ^o cụ Yên - Đỗ với ông đồ hàng xóm	167
3 ^o ông Nghè - Tân với ông Nghè - Cốc	168
4 ^o ông Tú - Xương với cô đầu	168
5 ^o ông Nguyễn - Xiển với ông Tôn - thất - Thuyết	168
8 - Chinh - phụ - ngâm dịch ra Pháp - văn	170
9 - Mũi tên độc (tiểu - thuyết đường rừng)	174
10 - Việt Hán Pháp tự điển	177
11 - Hoa - Lư kết - nghĩa (lịch sử tiểu - thuyết)	181
12 - Giới thiệu sách mới	184
13 - Tin văn	184

CHỦ - BÚT: Dương - Bá - Trạc — CHỦ - NHIỆM: Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông — Hanoi

GIẤY NÓI : 766

Dày 68 trang

Giá bán 0\$18

<https://tieulun.hopto.org>



Ⓜ Sportsmen!

Adressez -
vous au

spécialiste

TINH - KY



84-86, Avenue Paul Doumer — Haiphong

Maison de Confiance

*pour vos choix de Raquettes, commandes de
Recordages, achats de Ballons,
de vêtements et accessoires de sports*

Thuộc nội hóa

Bản đường ra công khảo cứu đủ hết các môn thuốc nam chế tạo ra các thuốc **Cao đan hoàn tán**. Bệnh nào có đủ thuốc ấy, linh nghiệm như thần, xa gần ai cũng biết tiếng. Đã được bằng khen, và được Hội đồng khoa-học xét nghiệm, cấp cho văn bằng danh dự sáng chế. Thực là một nhà thuốc rất **giá trị của người Việt-Nam**.

Cần dùng nhiều người làm Đại lý ở khắp các tỉnh trong xứ Đông-Dương
Thẻ lệ rất hay. Hoa hồng rất hậu

Ngài nào sẵn lòng chiếu cố đến thuốc Nội Hóa để chấn hưng cho thực nghiệp nước nhà, và giữ mối lợi quyền cho xã-hội, xin cứ gửi thư cho nhà thuốc

NAM - THIÊN - ĐƯƠNG

46, Rue Bacninh Nam-Định mà lấy chương trình và catalogue.

Báo Đông-Phương

86 — 88, Phố Cầu Gỗ, 86 — 88
HANOI-TONKIN

Đọc báo Đông-Phương thì được biết các bài nghị luận xác thực, và các tin tức có quan hệ đến dân sinh dân trí.

MỤC ĐÍCH ĐÔNG-PHƯƠNG

Cơ Quan phấn đấu trong cuộc sinh tồn cạnh tranh của toàn thể quốc dân

PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH :

1. — Gây mỗi dư luận chân chính để làm chuẩn đích cho quốc dân xu hướng.
2. — Truyền bá tư tưởng về văn học, xã hội, chính trị, kinh tế để đào tạo tinh thần phấn đấu với các sự khó khăn ở đời.
3. — Tìm những phương pháp thích thời để mưu tính cuộc sinh tồn chung

VĂN - HỌC TẬP - CHÍ

NĂM MỚI NƯỚC CŨ



Mây tạnh gió quang, dương-hòa đậm
đăng. Theo lệ thường tân xuân khai
bút, cầm cây quân sắt mà viết mấy hàng
đăng số báo đầu năm, sức nghĩ đến
cái đầu bài « năm mới nước cũ » mà bên lòng trăm
mối ngồn ngang, mừng mừng tủi tủi xiết bao nhiêu
tình. Mà ta dám chắc rằng: các bạn đọc-giả tron
quốc-dân ta là những người cùng một quốc-thô
với ta, cùng một chủng-tộc (2) với ta, cùng một ngôn
ngữ (3), cùng một tính tình, cùng một phong tục,
cùng một luân-lý với ta, cùng chung một cái lịch-sử
thịnh suy vinh nhục với ta, trong cái lúc trông mây
hóng gió, hô-hấp (4) khi dương-hòa này, mở tầm
con mắt mà nhìn rộng ra non Tản sông Lô, hăm
bảy vạn dặm vuông giang sơn như gấm như hoa,

1) Đất nước

2) Nòi giống.

3) Tiếng nói.

4) Thở hút.

màu xuân đượm vẻ, lại hé cửa lỗ tai mà lắng nghe những chuyện doanh-hoàn (1) biến đổi, cái thế-kỷ mười chín đã qua, cái thế-kỷ hai mươi dồn tới, cuộc nhân sự (2) mỗi ngày mỗi mới, mỗi tháng mỗi lạ như gió dập, như sóng dồn, như mưa tuôn, như chớp nhoáng, đài xuân (3) trông thấy đó, mà lũ chúng sinh mình còn vẫn cứ xô nhau, đẩy nhau, dành nhau, dật nhau, ngụp xuống nhô lên trông bề khổ, biết đến năm nào ngoi ngóp tới nơi, tưởng những điều mắt thấy tai nghe, khiến cho ai nấy cũng phải bùi ngùi trong dạ, phấn phát trong lòng, cũng phải chia mừng sẻ tủi với kẻ cầm bút đây về một cái đầu bài vơ vẩn đó.



Than ôi ! cái nước cũ của chúng mình cùng nhau sinh trưởng phồn tự tự tổ tiên mình mấy trăm ngàn năm về trước rồi còn đến con cháu mình mấy trăm ngàn năm về sau, chẳng phải là một nước cũng đã có thanh danh, có văn vật, có trật tự, có kỷ cương, có văn trị, có võ công, có triều-đình, có hương đảng, cũng đã có một cái lịch-sử quang vinh hiển hách hơn bốn ngàn năm dầy dư ? Ta hồi tưởng tự cái năm mới này trở về trước, năm nào là năm ông Lê-đại-Hành đánh Hán ở Bạch-đăng-giang, năm nào là năm ông Trần - quốc - Tuấn bình Nguyên ở Chương-dương-độ, năm nào là năm ông Lê-Lợi chém tướng Liễu-Thăng, năm nào là năm ông

1) Trong thế giới

2) Công việc trong đời người.

3) Do chữ xuân-dài là một nơi sung sướng vui vẻ được trọn vẹn mà người ta vẫn thường mong ước.

Quang-Trung đuổi Tôn-sĩ-Nghị, lại năm nào là năm thành Đồ-bàn lấy đầu Xạ-dầu, năm nào là năm đất Nam-vang xiềng cò Ông Sơn, trong bấy nhiêu năm đập gai phá cỏ, san núi đào sông, lổ diêm nên một tấm giang sơn, bắc chọi với Tàu, tây chống với Xiêm, trong thì khai thác Mán Mường, ngoài thì thu gồm Chiêm Lạp, tưởng mỗi năm có đến bao nhiêu là những nảo-chất của các đảng thánh quân hiền thần, danh nho lương tướng nặn vắt ra, lại bao nhiêu là những tâm huyết của các đảng hào kiệt anh hùng, nhân-nhân chí-sĩ tưới vầy ra mới gây dựng nên được cơ-đồ, xây đắp nên được tường móng cái nước cũ đó cho kẻ sinh sau nương tựa hưởng nhờ !



Rồi ta lại thử dự tưởng cái năm mới này trở về sau, năm nào là năm hội Vạn-quốc xác định được công pháp hòa bình, năm nào là năm các cường quốc tiêu triệt được võ-trang (1) phòng bị, năm nào là năm bề Thái-bình lặng hẳn cái phong ba tranh chiến, năm nào là năm đất Đại-lục tiêu hẳn cái không khí hiềm thù ; trong cái thế giới loài người này mà trông có được cái năm không đâu có thảm họa binh đao, không đâu có sát-cơ ganh cạnh, thần công-lý giữ vững quyền thưởng phạt, đức nhân tạo soi tỏ lối sĩ cường, năm châu sáu giống đều đầm thắm cái tình nghĩa đồng-bào, giàu khó sang hèn đều êm ả cái tình thần bác ái thì lại cần phải có mỗi

1) Các khí giới sẵn sửa sẵn về việc binh.

năm xuất hiện ra bao nhiêu bậc tiên tri tiên giác (1) đem chân lý chính nghĩa mà cảnh tỉnh cho lũ quần manh, bao nhiêu bậc đại thánh đại từ lấy nghị lực tinh tâm mà cải cách cho nền xã hội, mới dìu dắt nổi người đời lên đến xuân côi thọ, mà cái nước cũ này cũng được dự một phần hạnh phúc trong chỗ hòa khí xuân phong.



Ấy mừng về thế, tủi về thế, cái năm mới này, cái nước cũ này làm cho ta chứa chan vô hạn những nỗi tủi nỗi mừng là thế, nhưng mà thôi, mừng hão có ích chi, mà tủi lắm chỉ càng thêm cực. Hỡi quốc dân ta ơi ! Ta đừng quá tủi, ta cứ nên hăng hái tiến thủ, việc nào việc nấy, nghề nào nghề nấy, cũng cố công cùng sức, theo với năm mới mà thêm giỏi thêm hay. Ta lại chớ vội mừng, ta phải lo sinh kế của ta làm thế nào mà được doanh dư, trí thức của ta làm thế nào mà được sáng sửa ; về đường học thuật, về đường thực nghiệp đều mỗi năm mỗi mới, mà dần dần theo chân nổi gót được với các dân tộc tiên tiến trên hoàn cầu. Càng mừng bao nhiêu thì ta càng phải nong nả bấy nhiêu, càng tủi bao nhiêu thì ta càng phải gắng gỏi bấy nhiêu, chăm làm chịu học, cả nước một lòng, đào luyện lấy cái tư cách mới của mình, mở mang lấy cái vận mệnh mới của mình, ấy chính là một cách ta báo đáp nước cũ ta rất xứng đáng mà không đến nỗi cô phụ mất cái thì giờ năm mới của ta vậy.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

1) Bậc khôn biết trước hơn người thường.

Phong dao có liên-lạc gì vớ'i quôc-sử ?



Độc-giả chừ tôn thờ tưởng tượng một khoảng
đêm trường tịch-mịch, ngoài cái tiếng văng
đưa cọt két, còn gì êm ái bằng tiếng kim
lanh lảnh của người thiếu-phụ trong sớm
kia ru con :

*Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.
Nàng về nuôi cái cùng con,
Đề anh chầy thú nước non Cao - Bằng.*

Mấy câu hát du-dương ấy đã bao phen ru chúng ta
ngủ, ngoài sự dùng làm « thuốc ngủ » mấy câu ấy còn
tô điểm thêm cho lịch-sử nước nhà.

Thật vậy, « nước non Cao-Bằng » là nơi biên-thùy
chịu nhiều binh hỏa, từ trước đến giờ đã làm cho
nhiều người chinh-phụ nước ta, mỗi khi nhắc đến,
thêm buồn thêm sợ.

Tỉnh Cao-Bằng (hay Cao-Bình) yên tĩnh ngày nay vì
đem so sánh với sử Cao-Bằng khi xưa thật khác nhau
xa lắm. Nào những khi, chúa Trịnh-Tùng, tàn vàng tán
tĩa, vì nhà Lê, đánh lấy thành Đông-Đô (Hanoi bây giờ)
họ Mạc thua chạy bỏ Bắc-Hà cũng lấy Cao-Bằng làm
căn-cứ, rồi xây thành đắp lũy, mấy phen chống giữ, rút
lại tỉnh ấy cũng lại về tay chúa Trịnh thu phục. Lại
Bản-triều niên-hiệu Minh-Mệnh, Thổ-hào Nùng-văn-Vân
nổi lên cướp phá, Cao-Bằng thất thủ cũng thành bãi xa
trường, quan quân tiến tiêu rất là khó nhọc, nếu không
có bậc danh tướng là cụ Nguyễn-công-Trứ phá được
giặc ấy thời dân-sự còn phải lắm - than.

Vì có những hồi loạn lạc, những cuộc chiến tranh, mỗi lần nhắc đến « đi thú Cao-Bằng » ai ai cũng lo sợ sự gian-nan, mẹ thương con, vợ thương chồng ; cái cảnh lính thú đời xưa tưởng chừng khổ lắm, nên trong hình luật cho việc « sung quân » làm một thứ hình phạt.

Khi trước, đường xa dặm thẳng, lối giao thông, cách vận tải đều khó - khăn, mỗi khi có lính « đi thú » là có cái quang-cảnh « gánh gạo đưa chồng » rồi vì tình cảnh « nỉ non tiếng khóc » ; làm lính khi xưa sao được như ngày nay, nào lúc ra đi :

*Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dẫu vai mang súng giải.
Một tay thì cặp hỏa - mai,
Một tay cặp giáo quan sai xuống thuyền.
Thùng thùng trống đánh ngũ liên.
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.*

Khi ra đi như thế, lại đến khi đóng đồn còn nhiều nỗi cực hơn :

*Ba năm trấn thủ lưu đồn,
Ngày thì canh điểm tối đồn việc quan ;
Chém tre dẫn gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ phân-tàn cùng ai ;
Miệng ăn măng trúc măng mai,
Những giang cùng nữa lấy ai bạn cùng.
Nước giếng trong con cá nó tấy vùng. . .*



Ngoài ra lại còn biết bao nhiêu câu có ý tứ thâm trầm về lịch - sử.

Gặp tiết xuân đầm ấm, nếu ta đi du ngoạn trên con đường cái quan báo, ngoài cảnh cánh đồng bát-ngát, trộm sớm xa xa, còn gì thú bằng mấy câu hát thợ cấy từ cánh ruộng kia đưa lại :

*Con ai đem bỏ chùa này.
Nam-vô di Phật con thầy thầy nuôi.*

Các bạn đọc - giả còn nhớ truyện ông Lý-công-Uân người Cồ-Pháp (tức là làng Đình-Bảng). Tục truyền mẹ ông là Phạm-Thị mộng thấy đi lại với thần núi Tiêu-Sơn, rồi sau đến ở nhờ chùa ấy mà sinh ra ông. Bà Phạm-Thị mất sớm, sư ởng chùa là Lý-khánh-Văn nuôi làm con, đến khi khôn nhớn, ông Lý-công-Uân làm quan với nhà Tiền-Lê, chức Điện-tiền chỉ-huy sứ. Nhà Tiền-Lê suy yếu, vua Ngọa-Triều mất, quần thần đều tôn Lý công-Uân lên ngôi, tức là vua Lý-Thái-Tổ. Nhà Lý vì ông tổ là con nuôi nhà sư nên rất tôn sùng đạo Phật.

Nhà Lý truyền được tám đời vua, đến nữ-chúa Chiêu-Hoàng, bị quyền-thần Trần-thủ-Độ dùng mưu cho cháu là Trần-Cảnh vào cung hầu hạ rồi phao tiếng nữ-chúa phải lòng Trần-Cảnh, bắt bà Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng, phong chức Chiêu-thánh-hoàng-hậu. Bà hoàng-hậu này không con lại bị Thủ-Độ giáng một lần nữa xuống làm công-chúa rồi gả cho người Lê Phụ-Trần. Đến nay con gái sứ Bắc còn vì nữ-chúa hát câu :

*Trách người quân-tử vô tình,
Chơi hoa lại nở bể cảnh bán rao.*

Cái tình bà Chiêu-Hoàng thật đáng ái ngại, chẳng qua khi vận nhà Lý đã hết và mưu Thủ-Độ gian hiểm nên cụ quận Hoàng Thái-Xuyên vịnh sử đến đây có câu :

*Chú khôn chẳng khỏi bầy cho cháu,
Con trẻ làm chi biết lấy chồng.*

Thủ-Độ lại còn hành-hạ đến các vua nhà Lý nữa. Vua Huệ-Tôn (vua thứ tám nhà Lý) đã ra tu ở chùa Trăn-Giáo, một bữa đang ngồi nhỗ cỗ ở sân, chợt Thủ-Độ đi qua, bảo vua Huệ-Tôn rằng : « nhỗ cỗ nên nhỗ cả rế » vua hiểu ý rữ tay đứng giậy đáp : « người nói ta hiểu rồi », nói xong vào phương-trượng tự vẫn. Thủ-Độ vội vàng đem các quan đến tế lễ, hỏa táng, chôn vào tháp. còn bà Huệ-Hậu giáng xuống Thiên-Cực Công-Chúa rồi

lấy làm vợ, cái tâm sự bà phế-hậu ấy còn ở hai câu :

*Vì ai nên nỗi sầu này,
Chùa Tiên vắng vẻ tờ thầy xa nhau.*



Nhà Trần theo chánh sách của Thủ-Độ, trong nhà lấy lẫn lấy lộn mất cả nhân luân, chỉ được hai việc đáng gọi là vẻ vang tức là chính trị và võ công vậy, Trẻ trần châu thường hát :

*(Con) Chim quỳên đào đất ăn run,
Anh - hùng nhỡ vận lên nguồn đốt than.*

Anh hùng đây là ai ? là Nhân-Huệ-Vương Trần-khánh-Dur. Vương họ tôn-thất nhà Trần và là bậc danh tướng đời ấy.

Vua Trần-Thái-Tôn thường cho phép những tôn-thất đi tại trong cung, ông Khánh Dur vì thế tư thông với cung-nữ, phạm tội bị cách xuống làm thứ-dân và tịch biên hết gia-sản. Anh-hùng gặp bước khốn cùng, phải vào núi Chi-linh (Haidương) đốn củi đốt than độ nhật. Buổi ấy nhà Nguyên đem binh sang đánh nước ta, nhà vua ngự ra bến Bình-than (Haidương) họp vương hầu bàn kế phá giặc, nhân gặp ông Khánh-Dur chở thuyền than tình cảnh đáng thương, liền cho đòi sang thuyền ngự, bắt vịnh bài thơ «Bán than» có mấy câu vẫn còn truyền tụng :

*Ở vơi lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem sắt đá có bền gan.
Nghĩ mình giáo giở toan nghề khác
Nhưng lệ giới kia lắm kẻ hàn.*

vua nghe nhời khẳng khái và lại là lúc cần người, liền tha tội, cho theo Hưng-Đạo-Vương đánh giặc. Về sau nhờ có ông phục binh ở Vân-dồn (Quảng yên) cướp phá thuyền lương của giặc, nhờ đấy Hưng-Đạo-Vương đại phá quân Nguyên ở sông Bạch-Đẳng. Công ông Khánh Dur thật lớn mà trận Bạch-đẳng thật là Vũ-công đệ-nhất nhà Trần.

Nhà Trần lại còn khéo thu xếp việc ngoại-giao nữa. Nước Chiêm - Thành thường đem binh quấy rối ngoài cõi, vua Anh-Tôn ngại rằng đem quân đi xa không hợp thủy thổ, khó bề thắng lợi, Trần-khắc-Chung^a bèn xin nhà vua gả bà Huyền-Chân Công-Chúa cho vua Chiêm là Chế Mân, đồ sinh-lễ lấy hai châu, châu Ô và châu Lý. Một bà Công-chúa nhan sắc như thế, vì việc nước, phải lấy chú « Hời » người nhà Trần tiếc bà nên có câu :

*Tiệc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thẳng mán thẳng mừng nó leo.
Tiệc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vẫn than rơm.*

Vài năm sau chúa Chế-Mân mất, Trần-khắc-Chung ngầm sai thuyền vào ven bờ nước Chiêm đón bà Huyền-Chân Công-Chúa về. Cụ quận Hoàng-thái-Xuyên vịnh sử đến đây có câu :

*Châu đi rồi lại châu về đó,
Ngơ-ngẩn cùng nhau một giống hời.*

Mấy chú « hời » phải một phen « ngơ ngẩn » vừa mất đứt hai châu Ô, Lý, lại bị người dùng mưu « đánh cắp » cả bà Hoàng-Hậu.



Nhà Trần chỉ lo mất nước vì « ngoại - thích ». Quả nhiên về sau cướp ngôi nhà Trần lại người « ngoại-thích »

Vua Nghệ-Tôn quá tin Hồ-quí-Ly, lúc lâm chung gọi Quí-Ly vào, rồi bắt chước Lưu-tiên-Chủ nhà Thục-Hán (1) gửi con là vua Thuận-Đế, Quí-Ly có ý chiếm đoạt, hỏ vua Thuận - Đế rồi lập mình lên, cái giai vua Nghệ-Tôn còn thấy ở mấy câu :

*Mẹ gà con vịt chắt chiu,
Mấy đời mẹ ghẻ nưng niu con chồng.*

1) Lưu-tiên-Chủ nhà Thục-Hán là Lưu-Bị lúc mất gửi con lại cho ông Gia-cát-Lượng, ông Gia-cát-Lượng cảm cái ơn ba phen đón rước ở lều danh, hết sức phò tá nhà Thục-Hán.

Nhà Hồ cướp nước không được mấy năm phải nhà Minh đem quân sang vắn tôi bắt hai cha con Quí-Ly đem về Tàu giam ở đất Kim-Lăng. Công nghiệp của họ Hồ ở chỗ nhân-gian nào có được mấy, duy chỉ còn tiếng bắt dân xây đắp thành quách, thành Tây-giai, (Thanh-hoa) tức là công việc kiến-chúc vĩ-đại của triều ấy.

Vì sự xây thành Tây-giai, nhân dân đều có bụng oán họ Hồ, đến ngày nay con gái miền sơn cước tỉnh Thanh vào rừng cắt tranh (cỏ danh) thường gõ vào vỏ giao hát rằng :

*Kiến leo cột sắt sao mòn,
Tò - vò xây tổ sao tròn mà xây ?*

Hai câu trên có ý mỉa mai nhà Hồ chắc đâu được bền vững mà xây thành dựng quách.

Câu truyện thành Tây-giai làm cực dân không buồn cười bằng truyện ông chúa Trịnh-Xâm mê vợ bé để tan nát gia-đình.

*Tiểu công (em) gánh gạch bát tràng,
Xây hồ bán-nguyệt cho nàng rửa chân.*

Nàng đây là Đặng-thị-Huệ, một phi-tần được chúa yêu quý nhất. Chúa chỉ yêu nàng vì nhan-sắc nàng đã đẹp lại được mồ-hôi thơm tho như sa. Chúa thương nàng thường cho ở riêng một cung, tinh nàng ưa sạch sẽ, chúa lại bắt xây riêng cái hồ bán - nguyệt ở cửa cung để nàng rửa chân. Thời thường những khi nhân hạ, chúa ngồi trong nhà mát nhìn ra thấy nàng rửa chân tay lấy làm khoái ý lắm nên có câu :

*Có rửa thời rửa chân tay,
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh.*

nàng thị Huệ được chúa tin yêu, « sở chân lỗ mũi », ngày đêm hết sức xin chúa phước con trưởng mà lập con mình làm Thế-Tử. Nhưng giới cũng trêu người, đã cho người đàn bà ấy cái nhan sắc « cá lặn nhận sa », lại bắt phải có đứa con « bắt thành nhân-dạng ».

Con nhớn chúa vì bị phế tức bỏ ra ngoài viện binh Tam phủ cướp phá Trịnh-phủ, Thế tử (Trịnh-Cán, con Đặng-thị-Huệ) sợ hãi quá mà chết.

Người đàn bà ấy đã gây ra họa cho con, lại còn làm giảm mất cái oai quyền của các chúa Trịnh về sau. Ghê thay ! cái nhan-sắc của vương phi họ Đặng.

Người đàn bà đẹp thường làm cho nghiêng thành nghiêng nước ; kẻ gian hùng biến trá cũng khó giữ được toàn thủy toàn chung.

Ai đem con sáo sang sông,

Đề cho sáo lại sồ lông sáo bay.

Nguyễn-hữu-Chỉnh tức là « Con sáo » trong câu này. Xuất thân một anh học trò, tài kiêm văn võ, gặp bước loạn-ly, thấy nhà Lê suy yếu, chúa Trịnh chuyên quyền, Chỉnh bỏ vào Nam tìm chúa Tây-Sơn Nguyễn-Huệ kể tình hình Bắc-Hà, Tây-Sơn còn e sợ, hỏi Chỉnh nhân vật Bắc-Hà còn ai ? Chỉnh đáp : « Trừ Chỉnh này ra không còn ai nữa. » — Nguyễn-Huệ liền kéo quân ra Bắc, giả tiếng phù Lê giết Trịnh, đuổi được chúa Trịnh, lấy được Bắc-Hà ; khi lui quân về Nam, lưu Chỉnh ở Nghệ-An làm trấn thủ.

Tây-Sơn về Nam rồi, đảng Trịnh lại nổi lên, vua Lê, thế cô, phải vờ Nguyễn-hữu-Chỉnh. Chỉnh lúc ấy « sồ lông » kéo binh ra Bắc, xưng nghĩa cần-vương, đánh đuổi đảng Trịnh, được phong tước Bằng-quận-Công. Nhưng chính sự Bằng-quận-Công rất tham tàn, người người oán ghét, cả đến nhà vua cũng bị Chỉnh khinh mạn. Tây-Sơn được tin Chỉnh ra Bắc, sợ gây vạ về sau, ngầm sai Đô-đốc Võ-văn-Nhâm ra Bắc bắt Chỉnh đem làm tội. ứng với câu khẩu - khí bác Cống Chỉnh đọc hồi 9 tuổi (1) :

1) Nguyễn-hữu-Chỉnh người Nghệ-an, thông minh từ thừa nhỏ, năm lên 9 tuổi đi học, gặp ngày tết vào mừng tuổi thầy, thầy cho tràng pháo bắt phải làm bài thơ, Chỉnh ứng khẩu đọc bài này. Thầy biết sự nghiệp Chỉnh sau này chắc to nhưng sẽ không ra gì.

*Xác không vốn những cây tay người,
Khôn khéo làm sao đốt cũng rời.
Kêu lắm lại càng tan xác lắm,
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.*



Sau cái loạn Nguyễn-hữu-Chỉnh, Bắc-Hà ta còn chịu một phen loạn Tây-Sơn, mãi đến khi đức Cao-Hoàng nhất thống Nam Bắc thời dân-gian mới được thái-bình.

*Lạy gởi cho cả gió nồm,
Cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm lại ra.*

đó là lòng dân Bắc-Hà mong đức Cao Hoàng (khi ngài còn là chúa Nguyễn), vì mỗi khi « gió nồm » thổi chiến-thuyền từ Nam tiến ra. Mỗi khi chiến-thuyền tiến ra lại có những cuộc thủy chiến rất vẻ-vang hiện trong sách còn ghi chép.

Cái công nhất thống nam bắc đến đức Cao-Hoàng mới là trọn vẹn, mà cái công mở mang bờ cõi từ đời các chúa Nguyễn trước cũng rất lớn-lao. Nói ngay một việc giao-hông khi xưa, đường xá rất nguy hiểm, đi bộ hay bị giặc cướp, đi bẻ lại e sóng gió : kẻ bắc người nam, xa cách nhau hàng năm, hàng tháng, có khi một đời người chưa dễ mấy bận được đi lại thăm nom nên :

*Thương anh em cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ (1) sợ phá Tam-Giang (2).
Phá Tam Giang ngày rày đã cạn,
Truông nhà Hồ nội-tán cấm nghiêm.*

1) Truông nhà hồ thuộc xã Hồ - Xá tỉnh Quảng-Bình là nơi giặc cướp tụ họp. Quan Nội-tán Nguyễn-khoa-Đặng trừ được bọn này

2) Phá Tam-giang là cái đầm giáp bờ biển thuộc huyện Quảng Điền có ba cái sóng thần dữ lắm, quan Nội tán Nguyễn khoa Đặng dùng súng Thần Công bắn vỡ.

Đi bộ thì khiếp Hải-Vân (1).

Đi thuyền thì khiếp sông thần hang rôi (2).

Những sự ngăn trở ấy, triều Nguyễn ta đã dùng phương trấn áp. Nào khi quan Nội-tán Nguyễn-khoa-Đặng phá tan đám cướp Trùng Nhà Hồ, lại dùng súng bắn vỡ được sông Tam-Giang. Bộ-hành từ đấy yên ổn, khách vượt bể cũng khỏi lo bể to sóng cả.

Chúng ta ngày nay mắt nhìn thấy giang sơn như tranh vẽ, tai nghe những câu hát véo von réo rắt của người xưa, khác nào như ôn lại cái lịch-sử khi vui lúc buồn của tổ quốc; phong dao đối với quốc sử thật có cái liên-lạc mật thiết vậy.

TIỀN-ĐÀM

1) *Hải vân* là núi cao giáp địa phận Quảng nam và Thừa thiên, trên mây dưới bể, đường hiểm rừng rậm. Bản triều có đặt đồn canh giữ.

2) *Hang rôi* là ngôi nước ở núi ấy chảy ra bể.

Kính cáo độc giả

Vì thợ nhà in xin nghỉ từ 27 tháng chạp, đến mồng sáu tháng giêng ta mới đi làm, lại nhân Tòa kiểm-duyet Nam-báo cũng nghỉ Tết mấy hôm nên bản-chí định cho số 12 đúng ngày 1-2-1933 (mồng 7 tháng giêng) xuất bản mà không thể được vì in không kịp, bởi vậy số 12 phải đề đến ngày hôm nay 15-2-1933 mới có

Bản-chí ở số 11 không tuyên bố trước với độc-giả, thực là có lỗi. Song sự phải nghỉ một kỳ ấy là vạn bất đắc dĩ, mong các Ngài cũng lượng biết mà thể tất cho, Bản chí cảm ơn lắm lắm.

Đối với các Ngài mua năm, bản chí xin bù thêm một số (thí dụ đáng lẽ hạn báo các Ngài đến số 18 thì hết, chúng tôi sẽ bù thêm số 19 nữa).

BẢN NỮ THÁN DAN GIẢI

HÀ - XUÂN - TẾ

(Tiếp theo)

VII

- May mà gặp khoa-danh khôi-giáp (1),
42. - Cũng bồ (2) công đánh sáp soi gương (3).
Những công trang điểm sửa sang, (4)
44. - Dầu là trâm ngọc (5) nhà vàng (6) cũng nên.
Trưởng không nổi dận duyên tũ phận (7)
46. - Trưởng không điều nhật phẩn phai son (8)
Một hai (9) linh cuộc vương tròn (10),
48. - Đào (11) còn đương thắm, liễu (12) còn đương
tơ.

Đoạn VII (Câu 41-48)

SO XEM SẮC TÀI CỦA MÌNH, THÌ CŨNG MONG GẶP ĐƯỢC TÀI-
TỬ VĂN-NHÂN ĐỂ GỬI DUYÊN NƯƠNG PHẬN.

(1) Khoa danh khôi giáp : nghĩa là thi cử được đỗ đạt hơn người.

(2) Bồ : là bù, đèn ; cũng bồ công : nghĩa là cái công trang-diểm cũng được đèn bồi đáng giá.

(3) Đánh sáp soi gương : Bôi sáp đỏ nơi môi và soi gương để tô điểm sắc đẹp.

4) Trang điểm : là ý nói đàn bà sửa soạn tô bồi cho thêm phần tốt đẹp xinh tươi.

5) *Trâm ngọc*: Vua Vũ đế nhà Hán gặp Lý phu nhân cho cái trâm ngọc để dùng cài đầu; về sau cung-nhân bắt chước, đều cài đầu bằng châm ngọc. Lưu-vũ-Thích có câu thơ như vậy: « Thanh đình phi thượng ngọc tao đầu; Con chuồn-chuồn bay đậu trên cái trâm cài đầu bằng ngọc. »

(6) *Nhà vàng*: do chữ kim ốc; ông Hán-quang-Vũ lúc vi-thời ước lấy được nàng Âm-lê-hoa, nói: nếu được người con gái đẹp ấy, sẽ xây tòa nhà vàng để cho ở. Phương-Bình nhà Đường trong bài Xuân-oán có câu thơ: Kim-ốc vô nhân kiến lụy ngân. Trong nhà vàng không có người chỉ thấy vết nước mắt.

Trâm ngọc nhà vàng là ý nói đồ nữ trang quý-giá và nhà cửa tốt đẹp, để tỏ ý quý trọng yêu mến người con gái đẹp.

Câu 44, có bản viết là: *Dầu treo lâu ngọc nhà vàng cũng nên*. Là ý nói dầu mà trang điểm sửa sang rồi được ở lâu ngọc nhà vàng như bà Yang-Kwei-Tũ (Dương-quý-phi) đời vua Đường-minh-Hoàng thì cũng nên. Trong bài Trường-Hận-ca, ông Bạch-Cư-Dị có hai câu thơ nói bà Dương-phi: Kim ốc trang thành kiều thị dạ, Ngọc lâu yển bãi túy hòa xuân, nghĩa là ở trong nhà vàng trang điểm xong, tươi đẹp châu cả đêm, lâu ngọc tiệc tan, vẻ say hòa với màu xuân.

(7) *Giận duyên tủi phận*: oán trách cho tơ duyên không đẹp ý, mà thở than cho số phận mình xấu xa.

(8) *Nhặt phẩn phai son*: uổng cái công trang điểm sửa sang, vì phải lâm vào cảnh ngộ cực khổ đến nỗi phẩn không nhồi son không điểm nữa.

(9) *Một hai*: là ý nói nhất định, không chóng thì chầy cũng được như thế.

(10) *Cuộc vương - tròn*: Xem trong Kim - Vân - Kiều :

Trăm năm tính cuộc vương tròn
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.

Cuộc vương tròn là cuộc trăm năm kết tóc xe tơ, cùng nhau nên vợ nên chồng.

(11) *Đào còn đương thắm*: là hoa đào mới nở, sắc còn đương thắm-thía non nẻo. Do câu « Đào chi yêu yêu » trong kinh Thi. Vì với người con gái trẻ-trung và tươi đẹp.

(12) *Liễu còn đương tơ*: do câu « Bồ liễu chi chất » người con gái trẻ và có nhan sắc thường ví với cây liễu mùa xuân đương buông tơ yểu điệu tươi tốt.

Câu 48 là ý nói đương lúc xuân xanh tuổi trẻ, nhan sắc mười phần tươi đẹp.

(Còn nữa)

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ NGÀY KỶ NIỆM VĂN-HỌC TẠP-CHÍ XUẤT BẢN

Đến tháng Mai 1933 này, bản-chí định ra một số đặc-biệt vừa để đáp tấm thịnh tình của các bạn đọc-giả, vừa để kỷ niệm ngày Văn-học Tạp-chí xuất bản.

Số ấy sẽ in dày gấp rưỡi số báo thường, in vào giấy nhẵn tốt in hai mùi mực, (xanh và đỏ) có nhiều tranh vẽ và hình ảnh. Hiện bản-chí đang dự bị (vì phải dự bị từ bây giờ mới kịp) biên-tập để số báo ấy gồm đủ được cả ba cái đặc sắc: hay, vui, đẹp (1).

Nhưng muốn cho số báo ấy được thật hoàn toàn, bản-chí phải cần sự giúp sức chung của tất cả các bạn đọc-giả. Vậy trong các ngài, ai có bài văn cổ hay kim, tranh ảnh về phong cảnh, hình chụp hay tự tích các cụ văn-hào, tranh vẽ có ý nghĩa về văn-học, xin các ngài sẵn lòng gửi lại giúp cho, bản-chí xin hết sức hoan nghênh. Đối với các ngài gửi về như thế, hễ bài nào hay bản nào bản-chí in được sẽ gửi biếu riêng quyển tạp-chí đặc biệt ấy và biếu thêm 2 bộ sách của nhà in Đông-Tây xuất bản nữa. Mong các ngài giúp cho. Xin đa tạ các ngài trước.

1, Số này sẽ bán từ 0\$25 đến 0\$30. Song đối với các đọc giả mua năm thì bản-chí không giám tính hơn và cũng coi như số báo thường.

VĂN THƠ

THƠ VĂN CỔ

Thảo-trang thi tập

(Tiếp theo)

MÔNG CHÍN THÁNG CHÍN LÊN NÚI DỤC-THÚY

(Ninh-Bình)

Non nước ngày thu vẫn ước ao,
Này thi này rượu lại lên cao ;
Hoa vàng đua nở trăm hàng cúc,
Non biếc hương vây bốn mặt rào.
Chữ ngự chế-bi (1) son đậm lại,
Thơ Trương Thăng Phủ (2) tuyết in vào.
Vui về cảnh cũ mà quên cả,
Mấy độ tang thương một chén trào.

*

HUY THỀ

Một bước lên cao một mảnh tình,
Bạc đầu cùng hẹn với non xanh ;
Vén mây trông lại chim Hồi-hạc (3),
Hóng gió hương đưa cúc Hộ-thành (4).
Bia ngự rồng quanh hàng chữ mới,
Đài câu cá ngợp bóng trắng chênh.
Bực cho con nước qua cầu nọ,
Chùa dưới chuông ai dật tiếng kèn.

*

1) Bia của vua làm. Trước vua Thiệu-trị có ngự chơi núi này làm bia dựng trên núi.

2) Tên một vị danh thần đời Trần có thơ khắc trên núi.

3) Tên ngọn núi ở ngay tỉnh Ninh-Bình, gần núi Dục-thúy.

4) Dục-thúy có tên nữa là núi Hộ thành.

MỪNG ÔNG TÚ Đ... LÊN LÃO SÁU MƯƠI

Tiệc thọ ngày xuân cảnh khác thường,
 Giáp hoa vừa nở (1) tuyết vừa tan.
 Văn chương đã trải mười lần biến,
 Danh lợi gì hơn một chữ nhàn,
 Hai sớm chữa say còn rượu chữa,
 Năm kinh không dụng vẫn thơ chàn;
 Phồn hoa đâu có bằng quê thú,
 Đọc sách Thần-Nông chuyện Thái-Hoàng (2).

*

MỪNG LÃO NĂM MƯƠI

Năm nay bốn chín hạ qua rồi,
 Ngất-nguởng năm mươi lại đến ngôi.
 Việc nước đôi giòng còn sóc trán,
 Chiều làng tám bộ sắp kề vai.
 Non sông có hạ riêng giờ tĩnh,
 Ngày tháng không cùng rộng đất chơi.
 Kỳ-hội (3) còn truyền nền thọ cũ,
 Bên cầu Cồ Lộc trước thôn Mai.

TIÊN-ĐÀM sao lục

*

THƠ ÔNG PHẠM THIẾU-DU

(Ông quê ở làng Quỳnh đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an, làm quan ở Sơn-tây, được thăng đến Hồng-lô-tự-khanh rồi về hưu, hưởng thọ 88 tuổi)

DẶN LÀNG

Tiểu dẫn—Lúc ông làm quan có xuất tiền ra làm cái đình cúng cho làng, sau làng có điều xử tệ với ông, ông bèn dọn nhà sang ở làng Đồng-xuân cùng huyện ấy.

1) Người thọ sáu mươi tuổi là vừa đúng một giáp như sinh năm Quý-dậu, nay đến năm Qui-dậu là qua hết một giáp ; rồi theo chữ Tàu nói cho hay là giáp hoa nở.

2) Chuyện đời Thái cồ Tam hoàng.

3) Hội kỳ lão.

Khí phách non sông thể diện đời,
 Dọc ngang đã khắp bốn phương trời.
 Kề đường lui tới từng năm bảy,
 Nghĩ nổi hay hèn biết mấy mươi:
 Gấp khúc bởi vì quê quán bạc !
 Vào bờ mới biết bề quan vơi :
 Vua cho nhàn quý trời cho thọ,
 Năm tháng Kiều-tùng (1) bạn trúc mai.

✦

NĂM 60 TUỔI NGƯỜI NÀNG HẦU MỚI SINH ĐƯỢC CON TRAI

Lần thần xem sao đã chóng già,
 Sáu mươi trời chất tuổi cho ta.
 Răng ghê chung đỉnh hàm đen khuyết,
 Tóc nhuộm phong trần sắc bạc pha.
 Tấp-tênh hầu non chưa chán lão,
 Bù-chì con mọn mới diu cha.
 Vài vò rượu lạt còn dành đề,
 Song thọ (2) sang năm đợi có bà. (bà 59 tuổi)

✦

NĂM 62 TUỔI GỌI THỌ VỀ ĐÓNG THỌ ĐƯỜNG

Quan-chế (3) rành rành tự thuở xưa,
 Ta nay cũng đã sáu mươi thừa.
 Kiếp người sinh tử nào ai khỏi ?
 Năm đất qui tàng (4) sẵn cỗ (5) đưa.
 Thân thể cuộc tròn dầu muốn nghỉ,
 Giang sơn gánh nặng biết sao vừa.
 Thọ đường sắm đề còn lâu mãi, (thọ 88 tuổi)
 Dám hỏi ông trời đã chết chưa ?

HOÀNG-VĂN-TRỌNG *sao lục.*

1) Tên một ông tiên.

2) Cả đôi vợ chồng cùng thọ.

3) Cách làm áo quan.

4) Qui là về, tàng là dấu, chôn dấu về trong đất.

5) Cỗ áo quan.

SƠN-NGỌC Nguyễn Văn-Lương

CÙNG MỘT Ý KIẾN

VỀ SỰ SỬA ĐỔI CHỮ QUỐC-NGỮ

thành một thứ văn tự hoàn toàn

Bản-quán lại tiếp được bài sau này của ông Nguyễn-Văn-Lương bình phẩm đến bài « MỘT Ý KIẾN VỀ SỰ SỬA ĐỔI CHỮ QUỐC-NGỮ » của ông Dương-Tự-Nguyên in ở bản tạp-chí số 5, và bản thêm nhiều chỗ cần phải sửa đổi cho được hoàn toàn hơn trước. Xét ra bài này rất có giá-trị và tác-giả nghiên cứu về vấn đề sửa đổi chữ quốc-ngữ cũng có công phu lắm, bản-quán rất vui lòng đăng lên bản tạp-chí và nhân tiện xin bày tỏ mấy chỗ không đồng ý với tác-giả như sau này :

Về đoạn bàn về chữ S câm.— Trước hết tác-giả chê ông Dương-Tự-Nguyên dùng chữ S câm là không tiện, nhưng đến cuối bài, tác-giả lại công nhận nên dùng chữ S câm [chỉ khác có viết lối chữ in] ; thành ra trên dưới mâu thuẫn với nhau. Theo ý chúng tôi thì chữ S dùng làm dấu câm rất hợp, vì chính chữ Pháp có nhiều chữ S câm đứng đằng sau chữ, như : *Bas, Gas, Tas*, v. v. Văn-tự cốt phải minh bạch và không thể thêm bớt một chữ nào cho khác nghĩa đi là tốt lắm rồi ; còn đối với những kẻ giả mạo định tẩy chữ này thành chữ khác, thì dù văn-tự nước nào cũng không thể phòng ngừa được hết. Nếu bảo chữ S có thể chữa ra hữ O hoặc chữ Q, chúng tôi thiết tưởng trong hai mươi mấy chữ cái, kể có nhiều chữ có thể tẩy chữa đương là chữ này làm thành chữ khác được

Về đoạn nói chữ ư đổi là u.— Theo phương-pháp của ông Nguyên lấy hẩu năm chữ q, f, z, w, j, (của ông Vĩnh đặt ra) mà đọc ngay là sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng, cho tiện kẻ mới học đánh vần, chớ không đọc theo giọng đọc của người tây ; nên chữ w không thể dùng thay cho chữ đơn âm khác được. Trước khi đăng bài « Một ý kiến » của ông Nguyên, ông cũng có ngổ ý cho bản quán biết rằng : ông muốn dùng chữ w thay cho chữ ư, eu thay cho ơ, nhưng vì cái phương-pháp của ông có khác, nên ông tiếc không dùng được. Nếu theo phương pháp của tác-giả bài này chỉ dùng những chữ câm để làm dấu, chúng tôi tưởng nên dùng chữ w để thay cho chữ ư là tiện hơn và khỏi phải thay đổi cả chữ u và phải lập thêm cái lệ viết ouo là ouoo.

Về đoạn bàn về cách dùng chữ “y”.— Tác-giả không vạch rõ chỗ nào nên dùng *y* và chỗ nào nên dùng *i* và nói mỗi chữ có cái đặc sắc hiện trên mặt chữ. Chúng tôi xét chỉ có chữ Tàu vì đặt theo lối tượng hình là có thể trông hình mà đoán ra nghĩa, còn chữ các nước đều không có cái đặc tính ấy. Cái gì cũng do ở thói quen mà ra, chớ tự cái chữ nó có cái đặc sắc đâu. Thí dụ như chữ: *tuyn*, *my*, *ly* và *ky*, ta trông đã quen mắt đi rồi, nay viết là *tuin*, *mi*, *ti* và *ki*, tức khắc trông nó lạ mắt; nhưng trông mãi rồi thành quen ngay. Sở dĩ ta trông chữ các nước mà đọc được nhanh là vì ta trông quen cái hình chữ, chớ không phải ta phải đánh vần từng chữ mà đọc. Thí dụ như chữ *Dimanche*, *Lendemain*, ta thoáng trông cái hình chữ là ta đọc được ngay, vì ta đã trông quen lắm rồi. Nay thử viết khác kiểu đi là *diManche*, *lenDemain* thì tự khắc ta trông nó ngượng nghịu không thể đọc ngay được. Theo ý chúng, tôi, cách dùng chữ *i* hay là *y* phải có quy củ nhất định, chớ không thể để tùy ý cho người viết muốn dùng chữ nào cũng được, để đến nỗi gây ra những sự rắc rối về việc giao thiệp với các công sở và việc buôn bán ngày nay.

Cuối bài, tác-giả lại phụ thêm chữ *y* vào tùy từng vần theo ý riêng của tác-giả. Chữ *y* ở đây tác giả dùng như vần “ay”, như: *my* = may, *hy* = hay, *ky* = cay, *ly* = lay, *try* = tray, *ny* = nay, v. v. Đã không có luật nhất định để chỉ rõ chỗ nào nên dùng *i* và chỗ nào nên dùng *y*, thành ra người đọc bị loạn trí nhớ, vì không hiểu rõ tự sao vần *m*, *n*, *h*, *l*, *tr*, *s*, vần, vần có thể dùng *y* được, mà *ch*, *kh*, *th*, *x*, vần, vần lại không dùng được. Nếu bảo là do ở thói quen, nhưng người Nam-kỳ quen dùng thể, mà người Bắc-kỳ và Trung-kỳ không quen dùng thể; hoặc người Trung-kỳ quen dùng thể, mà người Bắc-kỳ và Nam-kỳ không quen dùng thể thì sao?

Về đoạn bàn về cách dùng chữ *k* và chữ *q*.— Tác-giả nói nên để dành cho người Tàu vần *ku* để họ chấp viết những tên tỉnh và tên đất. Sự thực thì người Tàu không hề dùng lối chữ *La-mã* để chua tên đất và tên tỉnh của họ. Chỉ có người ngoại quốc mới phải dùng lối chữ “chua âm” ấy để viết những tên đất và tên tỉnh của Tàu. Cách chua âm của mỗi nước mỗi khác; người Pháp chua là *Kouang-chéou-wan*, *Kouang-Toung*, *Kouang-Si*; mà người Ăng-lê lại chua là *Kwang-chow-wan*, *Kwang-Tung*, *Kwang-Si*. Chính người Tàu viết tên đất và tên tỉnh của họ thì chỉ có lối chữ Tàu mà thôi.

Về đoạn bàn về mấy dấu chuyển âm. — Tác-giả chọn được mấy chữ để thay cho mấy dấu kẻ cũng có công phu thật; nhưng

chúng tôi xét ra có một chữ “K” dùng thay cho dấu “sắc” không được hợp lắm. Vì có 2 lẽ sau này: 1— Nếu theo phương pháp của ông Nguyễn lấy mấy chữ dấu của ông Vĩnh đọc hẳn là: sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng thì đã đành rồi; nhưng nay tác-giả muốn lấy mấy chữ, nếu chấp vào vần, có thể có được cái âm-hướng gần đúng như cái giọng thuộc về cái dấu ấy, tất phải khéo lựa những chữ nào nếu ghép với bất luận vần gì mà đọc lên có thể tương tựa với cái giọng mình định đánh cái dấu ấy mới được. Dùng chữ K không được thích hợp là vì chấp với các vần có thể đọc khác giọng đi xa lắm. Thí dụ như má = mak (chính đọc là mac); có = kok (chính đọc là coq) vân, vân. 2— Chữ K khó viết và không viết được nhanh như các chữ khác. Trong chữ quốc ngữ của ta, có nhiều chữ có dấu “sắc” và dấu “huyền”, tất phải lựa những chữ nào dễ viết, đẹp mắt và viết được nhanh mới hay. Tác giả đã chê 5 chữ dấu của ông Vĩnh đặt là khó viết và không đẹp mắt, nay dùng chữ K, tưởng cũng không hay hơn là mấy.

Chúng tôi xét chữ « r » và chữ « l » nếu chấp với các vần cũng không biến đổi giọng đọc quá xa, và dễ viết lắm, và tưởng chúng ta có thể dùng được 2 chữ ấy để thay cho 2 dấu nào theo cái phương pháp của tác - giả bài này.

Kết luận. — Chúng tôi xét bài này cũng có nhiều chỗ đặc-sắc và rất mừng rỡ vì thấy tác-giả đã chịu khó nghiên cứu vấn đề này được sâu xa lắm.

* * *

Từ khi đăng bài « Một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc-ngữ » ở Văn-học Tạp-chí số 5, chúng tôi thường tiếp được nhiều thư của các bạn đọc - giả viết về tán thành cái phương pháp này và có chỉ giáo cho một vài chỗ cần phải sửa đổi lại. Chúng tôi định gom góp tất cả các điều có đặc sắc nhất của các ngài để đăng gồm vào một kỳ tạp-chí, và sẽ huyền một giải thưởng đề trưng cầu ý kiến của tất cả quốc dân về sự lựa chọn những điều đặc sắc của các ngài để lập thành một phương pháp nhất định làm của công cộng có thể thông dụng được vĩnh viễn về sau.

V. H. T. C.

Dưới đây là bài của ông Nguyễn-văn-Lương :

Về sự sửa đổi chữ Quốc-ngữ thành một thứ văn tự hoàn toàn, ông Dương-tự-Nguyên đã có một ý-kiến phôi bày ở *Văn-học Tạp-chi* số 5, và có cải chính mấy điều trong *Văn - học* số 9. Kể ra cách sáng kiến của ông Nguyên cũng đã tốn công phu lắm, nhưng vẫn còn nhiều phần bất tiện, xem ra chưa được hoàn toàn hẳn.

Nay tôi cũng có một thiện-kiến xin phôi bày ra đây, may ra có thể thích hợp với ý tưởng của nhiều người và giúp cho văn-tự được phần hoàn mỹ nào chăng ! Vì cứ như cách của tôi thì không phải sửa đổi mấy, mà những chỗ sửa đổi lại rất được thuận phép lắm, nên vẫn rạch ròi như chữ hiện thời, có phần tiện cho người mới học và người đã biết được dễ nhận hơn lỗi sửa đổi của ông Nguyên nhiều lắm. Hình đơn tự nom cũng không khác mấy bây giờ, nên vẫn được dễ dàng viết lách, vì những vần vẫn đề nguyên theo một phép cũ, mà nhìn chỉ hơi ngượng mắt vì mấy con dấu mà thôi. Nhưng cái ngượng đó do tự ở từng người chứ thật ra không phải là một cái lỗi của phép sửa đổi văn tự vậy.

Trước hết cũng nhờ ông Dương-tự-Nguyên đã vạch qua sẵn bước đường rồi, nên tôi được dễ dàng suy xét mà bắt khởi cái ý sửa đổi của tôi, và nhân cùng một lúc có phụ chữa nhiên chỗ khuyết điểm của ông Nguyên nữa. Tôi vì ông Nguyên như đã phác qua một bức họa, mà tôi may ra được làm một người biết ngắm tranh, thấy có chỗ biệt tài thì tôi liệu phóng thu nhặt lấy, rồi cũng bắt chước theo khuôn khổ và khuôn phép sẵn ấy vẽ họa một bức tranh khác cùng theo nguyên một đề ý vậy. Bức họa của tôi chưa biết có gì đặc sắc hơn bức họa của ông Nguyên hay không, nhưng nếu vẽ được đủ ý nghĩa thì tất may ra cũng có thể dễ coi được phần nào chăng !...

* *

Về nguyên cơ, mục đích và phương pháp sửa đổi, ông Dương-tự-Nguyên đã phô bày rõ ràng và nguyên vẹn trong *Văn-học* số 5 rồi, sau đây tôi chỉ muốn nhắc qua lấy đại ý thôi. Trong các số tiếp, ông Nguyên lại có phân trần nhiều điều về lẽ sửa đổi nữa ; dưới đây đại khái cần nên chú ý mấy điều :

1.) — Lối chữ quốc-ngữ chỉ là một lối chữ chua âm của người Tây dùng học tiếng Annam mà thôi, cho nên được sẵn đó, ta nhận lấy mà dùng riêng cho ta ; rồi từ chỗ thấy rất tiện lợi mà thành ra quý hóa và trở nên thông dụng cho cả nước. Nhưng vì chưa được hoàn toàn tiện lợi, nên ta phải cần nên lo sửa đổi cho được vẹn hảo mà dùng. Và nếu ta không nghĩ cách sửa đổi lấy thì ai nghĩ hộ ta ! Tuy thế trong sự sửa đổi, không những cốt để trọn vẹn riêng cho ý muốn của ta, mà cũng vẫn phải nghĩ tới sự tiện lợi cho người Tây vẫn được dễ nhận dễ học tiếng nước ta như trước mới được. . . .

2.) — Trong sự sửa đổi, chỉ cốt nên trông vào mục đích nếu được mỹ mãn là được, mà không nên thêm ý cân đo, đem phân bì chữ mình với thứ chữ Pháp, hoặc một thứ chữ ngoại - quốc nào vậy.

Về nguyên cơ sửa đổi có sáu lẽ thiết dụng là :

- 1.) — Dùng được máy chữ khỏi mất công đánh dấu lại.
- 2.) — Dùng để viết các giấy tờ quan hệ, khỏi hàm hồ, không nhầm lẫn.
- 3.) — Dùng được các thứ máy in tân thời.
- 4.) — Có thể in theo lối chữ rất nhỏ được.
- 5.) — Có thể dùng để đánh giầy tì ép.
- 6.) — Có thể được sáng sửa dễ xem, và được sạch sẽ đẹp mắt.

Mục đích sửa đổi căn cứ vào sáu điều ấy.

Trông theo phương pháp sửa đổi ông Dương-tự-Nguyên tham bác ở những văn Pháp và Ấng-lê, đã đổi những

chữ âm có dấu ra chữ âm không dấu, và dựa vào năm dấu chuyển âm của ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã đặt ra. Sau ông lại có phụ thêm chữ s câm cho những đơn tự tron. Cái ý sau này căn cứ vào lẽ thiết yếu thứ hai trên kia. Tuy thế mà điều thứ 2 đó vẫn chưa được hoàn toàn, vì chữ in thì đã đành, mà đến chữ viết thường thì người ta có thể sửa chữ s ra chữ khác được. Thí dụ tên Ba viết Bas, thì cứ như chữ s viết người ta có thể chữa ra làm chữ o, thành Bao, hoặc ra q, thành Baq (bá, q = dấu sắc), vân, vân. Vậy hãy còn là khuyết điểm. Còn điều thứ 6 nữa cũng chưa được mỹ-mãn, vì cái hình thể giải rộng của năm dấu chuyển âm (q, f, z, w, j) nếu những dấu đó là dấu viết tay chữ không phải dấu in. Bởi chữ in bao giờ cũng được sáng sủa hơn chữ viết nhiều. Trong sự sửa đổi cần nên để ý đến chữ viết mới được. Thành ra trông vào điều thứ 6 muốn cho được đẹp mắt, lại vẫn hóa ra bần mắt, mà về phần sạch cũng chẳng được sạch sẽ hơn gì chữ viết hiện thời, vốn chỉ chít những dấu. Trông một bản viết vẫn kém phần sáng sủa như trước, tuy trong khi xem được sáng mắt dễ nhận mặc dầu. Thế là thiếu về mỹ quan, thiếu phần mỹ thuật vậy. Lại chẳng những mấy chữ dấu đó đã dài ngoằng ngoặc làm bần mắt, đến như chữ w (viết), người ta có thể chữa thành chữ m, hay n, hay u, hoặc một chữ khác được. Thêm một cái hại thứ hai cho điều thứ hai, nói về sự quan hệ trong các giấy tờ. Riêng phần tôi xem xét theo bước đường của ông Nguyễn thì sự sửa đổi của ông mới hơi vẹn được mấy điều thứ 1, 3, 4 và 5 mà thôi.

* * *

Chú ý về mấy chỗ khuyết điểm của ông Dương-Tự-Nguyên như thế, tôi xin chung góp cách sửa đổi của tôi ra sau đây.

Trước hết cần tính liệu cho người mới học được

để học, và người đã biết sẵn được dễ nhận, lại dễ viết, mà cần nhất viết chẳng đến nỗi kém nhanh hơn lối chữ đương dùng mấy mới được. Bởi lẽ đó mà các đơn-tự, theo sự sửa đổi vẫn cần phải ngắn thì viết mới được nhanh, và đỡ tốn giấy, nhưng đã lấy chữ thay dấu thì những đơn-tự viết tắt giải hơn trước vài chữ, song cũng đúng phép sửa đổi, vậy phải liệu thu xếp cho được đơn giản, không được quá giải. Đó là một điều cốt yếu trong mấy điều cốt yếu về phương pháp sửa đổi vậy.

Về cách học và cách nhận muốn được mau chóng, thì dù chữ ă viết là « ea » cũng cứ vẫn đọc là ă như trước, chứ không phải đọc tách chữ ra theo cách tây là e và a là ă, mà sinh ra rầy rà, rồi lúc khác sẽ bị lằm lộn vậy. Người học cứ việc học như thế rồi cứ nhìn cho quen mắt, tất khi nom chỗ khác có chữ « ea » sẽ bật miệng đọc là ă ngay, hay khi viết vẫn viết được ngay, không phải ngượng - nghịu chút nào. Chẳng qua là một sự quen mắt mà thôi, nếu nhìn quen rồi thì chữ ea và ă cũng chẳng khó nhận hơn nhau gì.

Về cách đánh vần (nói về lối chữ mới của tôi, chứ không phải lối chữ của ông Nguyễn) theo nếp học sẵn ấy, người đọc vẫn có thể đánh vần như lối cũ được, hoặc đánh vần tách chữ theo cách tây mà ông Nguyễn đã có nói trong *Văn - học* số 5.

Nhưng ở nhà trường, khi chữa âm-tả, nên đánh vần theo cách sau thì hơn, bởi lẽ những đơn-tự trơn viết có một chữ cam dùng làm dấu cam đứng sau. — Thí dụ như « tâm », viết là taams, đánh vần là t-â-m-s = tâm. Còn những đơn-tự nào có dấu chuyển-âm thì khi đánh vần được dễ hơn. Song lẽ khi viết, ta thường quen nhắm trong miệng cái cách đánh vần có âm hưởng, vậy theo cách sửa đổi của tôi, sẽ vẫn có thể đánh vần như cũ được, để khi viết được nhanh nhẹn khỏi ngờ - nghệt vấp-vấp vì sợ viết sót hoặc lằm vắn. Rồi quen tay,

quen mắt, quen miệng, ta sẽ đọc nhanh và viết nhanh được chẳng kém gì lối chữ đương dùng.

Trông vào mấy quan niệm trên ấy, tôi xin dàn ý sửa đổi của tôi ở dưới đây :

1. — Về chữ nguyên-âm (voyelles)

Tôi vẫn đề aa (â), ea (ă) và oo(ô) theo cách của ông Nguyễn. Còn thì đổi mấy chữ âm kia như sau này :

a). — Chữ e. thường dùng tôi xin đặt gọi lại tên là chữ ê, mà hai chữ ee (tức là chữ ê của ông Nguyễn), xin đổi gọi là e. Vì lẽ chữ ê dùng nhiều gấp bội e, mà đơn-tự nào có chữ ê thì lại thường giải, đơn-tự nào có chữ e thường ngắn, thành ra ông Nguyễn, muốn thu bớt chữ cho đơn-tự được đỡ giải, phải nêu thêm một âm đôi ie = iê (và mấy âm khác : euo = ươ, ua = uâ, uo = uô, cũng cùng theo một ý ấy) vào hàng chữ âm, làm cho bận rộn người muốn nhận, có khi phải lộn-sộn trí nhớ trong khi viết vậy. Đơn-tự nào có chữ e đã vốn thường ngắn, vậy trong cách sửa đổi của tôi. chủ ý tôi muốn điều hòa những đơn-tự có e và những đơn-tự có ê, theo lối chữ mới, được bớt giải bù ngắn cho nhau, cho được cân hình chữ. Thí dụ :

1.) — Nếu ee đổi gọi e, và e đổi gọi ê thì đơn-tự « nguyên », có thể sóa được dấu mũ ê mà viết theo lối cũ thành « Nguyen » hoặc vẫn theo nguyên thể-văn thêm một dấu âm s thành « nguyens » (vẫn được đúng với ý muốn của ông Nguyễn), mà lại tránh được một âm ie = iê nêu ra trong hàng chữ nguyên âm làm cho người muốn nhận phải bận trí nhớ.

2.). — Đơn-tự « hoen » viết ra là « hoeen » theo văn cũ, mà nếu thêm một dấu âm s ra « hoeens ». cũng chẳng đến nỗi giải gì, lại vẫn còn nguyên âm hưởng của đơn-tự, và vẫn dễ đọc như thường. Nếu nhắc lại rằng chữ e, dùng thường ít hơn chữ ê, thì sự thay

đổi này được rất tiện lợi cho những vần có chữ ê vẫn giữ được nguyên hình thể như cũ vậy.

Do sự thay đổi đó, người ta sẽ thấy được cái vẻ đẹp của hai đơn-tự *nguyens* và *hoeens* được sánh cân nhau, không đến nỗi một bên thì giải quá một bên thì ngắn quá. Các đơn-tự khác có *e* và *ê* đều cũng đại khái như thế cả.

b). — Tôi lấy « eu » thay cho chữ « ơ », được đúng với giọng Pháp, để người Pháp được dễ học, người mình được dễ nhận, vì hai âm như nhau, dễ nhận hơn là nhận cách của ông Nguyễn trước lấy « io », sau đổi lại « ou » mà thay chữ « ơ ».

c). — Tôi lấy « eu » thay cho « ơ » rồi, thì « eu » không còn thay chữ « ư » như cách của ông Nguyễn nữa. Vì lẽ đó mà tôi muốn lấy cách đổi tên như chữ *e* trên kia, đặt lại tên cho chữ « u » gọi là « ư », thiết tưởng mọi người được dễ nhận lắm. Chẳng phải nói đến sự đã quen dùng, nếu ta có muốn thay đổi, thì *ư* dù gọi lại là *ư*, *in tri* là *ư*, tất cũng chỉ coi sự sửa đổi đó như một sự *in tri* khi mình đọc chữ « u » đó ở giọng Pháp là « uy » thôi. Và *u* đã đổi ra *ư* thì âm « ư » của ta và âm « uy (u) » của chữ Pháp được gần na ná như nhau, tất lại giúp thêm cho người Pháp được dễ đọc chữ *ư* của ta nữa. Lấy *u* thay *ư* thì lại bớt được một âm *euo* = *ươ* của ông Nguyễn trong hàng chữ nguyên âm, cho khỏi bận trí nhớ người nhận. Rồi theo cách của tôi thì cứ theo cách ghép vần như cũ mà chấp *ươ* là *ueu*. Thí dụ « thương » viết « *thueungs* », thật dễ nhớ và dễ viết vô cùng. Người Pháp chưa học chữ quốc - ngữ đọc cũng được trùng âm của ta nữa. Đơn tự mới chỉ giải hơn đơn tự cũ có hai chữ, chỉ coi như bù vào hai dấu phẩy *ư* và *ơ*, thì cũng chẳng đến nỗi cần chậm ngòi bút gì!

d). — *U* đã thay cho *ư*, thì tôi lấy « ou » điền vào *u*, được trùng cách lắm. Người Pháp và người Nam đều

viết và đọc như nhau cả. Người đã biết quốc-ngữ được dễ nhận mà chấp theo thể vận như trước, viết được dễ dàng lắm. Thí dụ « chuyên » viết « choyens ». Ta nhìn vào mặt chữ đọc được đúng âm ngay.

Thay đổi như thế, hơn bù kém, những đơn-tự có u và những đơn-tự có u, viết theo lối mới, lại cũng được cái vẻ mỹ-thuật đều đặn kiểu như những đơn-tự có e và ê vậy.

Duy nên chú ý mấy điều sau này :

e). — Vì lấy «ou» thay « u », nên trong vần trắc, mục vần u, mỗi vần đều phải thêm lên một chữ cả. Xem ra cũng chẳng giải gì mà còn giúp cho những đơn-tự viết có chữ u được giữ nguyên hình kiểu chữ hiện dùng. Riêng có mấy vần viết có uô như vần « uôm », viết « ouoom », thì khi giải quá, vậy nhất-định viết uô bớt đi một o là « ouo », không lẫn với vần gì khác nữa. Còn trong các vần khác có « u » đều thay là « ou » hết, không thêm bớt gì cả để được nhất luật trong sự ghép vần, và trong cách đánh vần. Như vần « âu » phải viết là « aaou » đúng theo cách ghép vần để được quen vần dễ nhận mà viết. Vần đó tuy coi hơi giải, nhưng cũng không thể bớt được một chữ nào, vì sợ lẫn với vần « au » viết « aou ». Vần « uâ » (quân) cũng vậy, viết « ouaa » nếu bỏ một chữ a viết oua, sẽ lẫn với vần « ua » (quan), viết oua.

Vậy trong hàng chữ nguyên-âm, âm một có, âm đôi có, tôi chỉ thêm có một vần uô viết « ouo » gọi là âm ba, coi như để chú-thích cho cách viết vần ấy mà thôi.

Mới coi mấy vần trên nghe chừng hơi lạ mắt, nhưng nếu nhận rõ u là ou thì vẫn có thể đọc nhanh lẹ được như thường.

Thí dụ : quan viết qouans, chẳng đến nổi bật ra dạng ăng-lê đâu.

f). — Tôi đề nguyên « y » làm chữ âm như cũ, mà không đổi ra ie, lại cũng không dùng đề thay d, tránh được cách

vừa dùng làm chữ nguyên-âm, vừa dùng làm chữ phụ-âm. Chủ ý tôi muốn kéo lại nguyên cái cách dùng được tự do như trước, vì nếu viết «yêu» ra iêu, và «màn tuyn» ra «tuin» có lẽ khó coi lắm. Tuy thế cũng nên đặt một cái chính-pháp ước-định cho hai chữ y và i cho được nhất luật, nhưng thiết tưởng cái sự quen dùng của mọi người tức là luật đấy, vậy xin nhường việc đó cho những nhà viết văn-pháp định luận. Rồi xét đến chuyện ông Qui trong *Văn-Học* số 9 không lĩnh được măng-đa viết ra Quý, là tại lỗi của ông ấy, chứ không phải lỗi của người bạn, hoặc lỗi của chữ y đâu. Mà thật rất phải, vì rằng một ông khác tên là Chân mà cũng nhận được măng-đa viết ra Trân, thì cái sự rầy rà sầy ra không phải tự người gửi măng-đa hay tự chữ Ch hay Tr làm ra, mà chính tự người có cái tên ấy không có tính cẩn thận đó mà thôi. — Kể ra mỗi chữ nào cũng đều có một cái đặc-tính riêng của nó, người ta không thể nào không lấy làm mừng là được thấy trong quốc-ngữ có cái đặc-sắc chi-thú của văn-tự thường lộ ra ở trên dăm mặt chữ. Như chữ xa và xoi (xa-xoi) phải viết khác thể với chữ sa (sa-mạc) và sô (nước sô). Cùng theo một tính-chất ấy, chữ y đối với chữ i lắm khi dùng có cái nghĩa đặc biệt như chữ q đối với chữ c trong đôi đơn-tự trùng âm « quốc » và « cước » vậy. Như chữ y đứng trong đơn - tự ly (phân - ly, biệt - ly) phải viết khác với chữ i trong đơn-tự li (sai một li đi một dặm), vậy người ta không thể nào đem ghép nó vào cùng một khuôn với chữ i, hoặc ép loại nó ra ngoài hàng chữ nguyên - âm được.

Còn cái ý của ông Nguyên trong *Văn Học* số 9, muốn cho được nhất luật, đem ie thay cho y, để đặt thay cái qui-củ bắt-buộc của nó trong những văn ay, uyên, vân, vân, nghĩa là có ngụ-ý muốn dùng toàn một chữ i thôi, chỉ là một cái ý ép gượng không thể nào làm ung đẹp lòng nhiều người được.....

Kết lại, theo phương-sách của tôi, chữ nguyên âm vẫn còn đủ số nguyên như cũ:

a ă â e ê i o ô ơ u ư y.

II. — Về chữ phụ - âm (consonnes)

a). — Tôi đã lấy « y » đi không thay cho « d » như ông Nguyễn và ông Vĩnh nữa, mà « d » lại thay cho « đ », vậy tôi lấy « z » thay cho « đ ». được trùng với ý mọi người, mà lại đúng âm dễ nhận nữa.

c). — Trong Văn Học số 9, ông Nguyễn vì muốn cho được nhất luật, định đổi ke kê ki ra ce cê ci, nhưng tuy được yên trí nhận mà xem ra chẳng những ngượng mắt cho người mình, lại có thể làm cho người Pháp nhớ sai lầm, đọc khác dạng của mình đi nữa. Thí dụ như Kim - Vân - Kiều viết là Cims - Vaans - Cieuf thì thật khó yên trí và khó coi quá. Vì lẽ đó mà tôi muốn, vẫn giữ nguyên phép nhất luật như ông Nguyễn, đổi trái hẳn lại là cả một vần bằng C đều viết bằng K hết, là Ka . . . vân, vân. Đổi như thế vẫn trùng dạng như thường, được thuận mắt, và có thể hợp với ý muốn cho được nhất luật của mọi người.

Nguyễn chỉ vì cái ý muốn đã một phen thay đổi thì thay đổi trọn đủ cho vẹn hảo mọi điều, nên mới định đổi ra như thế, chứ thật không phải là có ý vẽ vời. Suy ý, nếu đổi ra như thế, thì bao giờ buổi đầu cũng có một sự lăm lẩn khó khăn, vì ai cũng đã quen dùng vần C đi rồi. Mà vần C lại được thường dùng luôn luôn, thành ra không những ai cũng đã có sự quen óc mà lại có sự rất quen tay, chẵn e vì đó mà tất có người sinh ra bực tức chứ chẳng không. Chính như tôi trong khi tập viết thứ chữ mới của tôi, vẫn thường vì quen tay hoặc vì lảng quên đi, mà đến mười lần viết gặp vần C thì có đến 5 lần phải sửa lại ra K. Như thế không phải là không bực rọc đầu, nhưng chỉ vì đã có ý sửa đổi cho được nhất luật, thì nghĩ rằng

muôn sự khởi đầu nan, tất rồi dần dà sẽ được như ý vậy. Riêng chỉ có một sự hơi bất như ý là văn C thường được dùng nhiều, mà c lại là một chữ sinh sản, nay lấy K thay vào mà K lại hơi có vẻ xấu, khỏi sao không có chút ít tối tăm cho toàn thể một bản viết đi ! Nhưng nếu để nguyên như cũ thì lại không hợp với qui-tắc sửa đổi vẹn toàn. Mà nếu sửa theo như ông Nguyễn thì lại không thể có hảo ý cho ai được, mà nhất là cho người Pháp. Chỉ bằng sửa theo cách này thì bên người Pháp và bên chúng ta vẫn nhận và vẫn đọc được đúng như nhau. Tay người đã biết quốc-ngữ sản coi như một sự chẳng được vừa lòng mấy mặc dầu, nhưng mà người mới học sẽ nhận được trơn tru văn K như mọi người nhận văn C bây giờ.

Mà đến cả những chỗ sửa đổi khác cũng vậy nữa, cũng cùng một lúc vừa đem một sự vui lòng, vừa đưa một sự bất như ý đến chung cho mọi ai, vốn xưa nay có tính biếng nhác coi được sao hay vậy, thế nào cũng xong, cầu thả với hết mọi lẽ ở đời vậy !

c). — Đã lấy K thay cho văn bằng C, nên văn bằng Ku thay Qu của ông Nguyễn lại phải để lại nguyên như cũ là Qu, vì trong hai văn bằng đó có liên lạc ý nghĩa hai đơn tự « cuốc » và « quốc » trùng âm với nhau.

Để nguyên văn bằng q như cũ thì được tiện cho mọi người vốn đã quen dùng rồi. Vả lại theo sức trực-giác của tôi, đem Ku phân đo đánh tiếng với Qu thì tôi cho rằng Qu được trùng với dạng của mình hơn, mà nếu muốn khác hẳn người Tàu thì ta nên dành riêng cho họ văn Ku để họ chấp viết những tên tỉnh, tên đất như Kouang Chéou Wan, Kouang-Toung, Kouang-Si, vân, vân. Hoặc văn bằng C vẫn để nguyên như bây giờ không đổi ra K nữa, mà có ý lấy Ku điền vào Qu như cách ông Nguyễn, thì thành ra chữ Q bị loại bỏ hẳn ra không dùng đến, có phần không ăn nhập với ý dự định của tôi muốn dùng quốc - ngữ cả 25 chữ

cái của người Tây. Vậy nếu vì sự quen dùng mà không muốn sửa lại vần bằng C nữa thì vần bằng Qu vẫn nên viết là Qu chứ không viết là Ku về lẽ trên đó. Nhìn trên bản đồ ta thấy nước ta khác nước Tàu ở vần Qu, như Quảng-Nam, Quảng-Nghĩa vân, vân. Xét đến đây không khỏi bồi hồi cho lịch-sử nước ta bị người Tàu chiếm dứt mất hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây!

d). — Tôi lấy J thay cho vần bằng Gi (Gia . . . v. v. để vần đơn G (Ga . . . v. v.) được nhất luật sửa lại ba vần (ghe, ghê, ghi) ra (ge, gee, gi). — Theo ý tôi, tôi muốn trọng sự nhất luật lắm, vì cùng một phen sửa đổi, ta phải dăm dăm trông vào cái ý nghĩa gọn gàng của sự sửa đổi, để tránh xa những cái phiền tạp lồi thoi, có khi hóa ra khó chịu. Vậy vần G phải sửa lại, và chính vần C nữa cũng thế. Bởi đó tôi nhất định thay K vào vần bằng C như trên.

J đã thay cho Gi thì được nhất luật, người ta sẽ tránh được nỗi chịu bộn con mắt về vần Gi (như gia . . . rồi đến ge, gi, v. v.). Sau nữa tránh được cả mấy điều rắc rối về đôi vần bằng G và Gi mà ông Nguyễn đã giải ra trong *Văn-học* số 9, nếu viết theo lối chữ mới của ông. Đọc J trùng với dạng Gi uốn lưỡi của ta.

Mấy vần ghe, ghê, ghi, đã chữa lại thì mấy vần nghe, nghe, nghi, cũng được theo đó mà chữa lại là nge, ngee, ngi, cho vần kép ng cũng được nhất luật luôn thể.

Khi ta nom mấy vần ghe, ghê, ghi, sửa ra ge, gee, gi rồi, ta cho là ngượng mắt, vì mấy vần đó làm sai lạc mắt vần tây viết cũng y như thế, ở trong miệng, trong mắt, mà trong trí của chúng ta, nhưng chỉ riêng có mấy vần đó đổi khác vần tây thôi, tất người Pháp cũng có thể vui lòng thể nhận cái sự nhất luật của chúng ta là một sự đích đáng vậy.

e). — Tôi lấy F thay cho vần bằng Ph để viết theo lối chữ mới được gọn gàng bớt đi được một chữ.

Người ta cũng có thể đề Ph nguyên như cũ, nhưng theo cách sửa đổi của tôi đã tỏ ra trên kia muốn dùng được hết cả 25 chữ cái, cho nên mới kéo q lại, mới đưa J, F, Z vào mà dùng. Bởi vậy thay F cho Ph vừa được tiện vừa vẫn ăn dạng như nhau, chắc vừa hợp với ý muốn của nhiều người, lại tránh được lẽ phải bỏ thừa mất chữ F ra ngoài 25 chữ cái, không dùng vào đâu.

f). — Sau hết tôi đã thu hết mấy chữ dấu của ông Nguyễn-văn-Vĩnh mà chuyển đổi được đúng phép và hẳn được vừa lòng mọi người như trên. Vậy tôi chỉ còn phải có biệt cách tính liệu về 6 dấu (một dấu cam với năm dấu chuyển âm) nữa mà thôi.

III. — Dấu cam và dấu chuyển âm.

a). — Mọi khi chữ cái thường dùng trong quốc văn tất cả là 23 chữ, nay do sự thay đổi của tôi tăng lên thành 25 chữ. Chữ Đ đã bị bỏ và nguyên một chữ w không dùng tới. Trước tôi đã có ý muốn lấy chữ w đó dùng làm dấu cam vì chữ đó là một chữ thừa, trông bình thể lại được sừng mặt đáng dùng làm chữ cam lắm, để người ta có thể được dễ nhận. Nhưng sau chỉ vì chữ đó khó « viết » có thể làm bẩn mắt, bởi vậy nên tôi đành loại bỏ không muốn đem dùng làm dấu nào cả. Theo ý tôi, trên kia tôi đã công-kích chữ w của ông Vĩnh, mà đây tôi lại còn có chút ý-niệm muốn dùng tới nữa thì cũng chẳng là lạ lắm sao! Song le nếu tôi có muốn dùng hẳn chữ w đó đi chẳng nữa thì tôi cũng có cách riêng tránh được hết mọi khuyết-diểm có thể xảy ra, như tôi đã vẽ ra ở trên kia. Duy tôi đành lòng bỏ hẳn chỉ vì khi viết, trông theo lẽ thiết yếu của điều thứ 6, coi không được vừa ý đó thôi.

Việc trộn dấu này cần rất phải nên cần-thận, nên nghĩ sao có thể làm cho trộn mọi lẽ quan trọng trong mục nguyên-cơ sửa đổi thì mới gọi là phương sách chu-

toàn được. Không những riêng một dấu câm, đến cả năm dấu chuyển âm cũng thế, cũng phải theo vào qui-cách xét đoán rạch ròi, cân đo từng chút, để cốt tránh mọi nỗi ngại lo về cái tình biến trá của người đời.

Vì thế mà trong sự sửa đổi, tôi coi cái mục kiểm những dấu này có điều tối thiết yếu hơn hết thảy, cho nên tôi mới có lời chứng sử về dấu của ông Nguyễn và ông Vĩnh ở trên kia.

Sau đây tôi sẽ có một cách rất hoàn toàn quyết định cho trọn mọi điều thiết-yếu của mục đích sửa đổi.

b). — Trong 25 chữ cái dùng vào lối chữ mới có 12 chữ câm là : B, D, F, J, K, L, Q, R, S, V, X, Z. Sao gọi là chữ câm ? Vì nếu đem đặt ở cuối bất cứ một chữ nào hoặc một đơn tự nào trong quốc-ngữ thì những chữ ấy không có ăn nhập một chút nào với âm ấy hoặc đơn-tự ấy để bật ra một âm khác hoặc một âm hưởng khác đúng với âm dạng riêng của quốc-ngữ. 12 chữ cái câm này khác với 13 chữ cái kia còn lại ở cái tính cách đặc biệt ấy. Trái lại, 13 chữ cái kia (có lẫn chữ nguyên-âm và chữ phụ-âm) là : A, C, E, G, H, I, M, N, O, P, T, U, Y. không phải là chữ câm, vì như chữ T, nếu đặt sau một âm « khoa », thì bật ra một âm khác là « khoát » vậy.

Vậy trong 12 chữ câm ở trên, nếu chọn lấy 6 chữ ra thay cho 6 dấu (dấu câm với nặng, sắc, huyền, hỏi, ngã), mà những dấu đó viết ở cuối đơn tự thì cũng chẳng bị lằm lộn chút nào hết.

Cốt nhất là khi bảo người mới học, hoặc các em nhỏ học, thì phải giảng giải rõ ràng cho được võ lẽ hiểu theo một điều ước định rằng :

« Sáu chữ này là một thứ chữ câm, dùng để gọi sáu dấu là : dấu câm với nặng, sắc, huyền, hỏi, ngã, chỉ nhất-luật viết ở cuối mỗi đơn-tự thôi, và nếu những chữ câm

ấy đứng ở trên đầu mỗi đơn tự thì là chữ phụ-âm, mà không phải là dấu nữa».

c). — Trong sự chọn lấy chữ cầm làm dấu, phải để ý trọn những chữ lùn củn gọn gàng để khi viết được sáng sủa và dễ coi, lại đẹp mắt, chú ý về lẽ thứ 6 của mục nguyên-cớ sửa đổi trọng về mỹ-thuật vậy. Không nên lấy những chữ giải ngoẵng-ngोặc như dấu của ông Vĩnh, và còn nên cân trọng phòng tránh những chữ nào dùng làm dấu viết có thể dễ sửa đổi trong việc quan-hệ làm giấy tờ, do lẽ thiết-yếu của điều thứ 2. Cần nhất là chú trọng đến khi dùng không còn điều gì đáng khuyết điểm nữa là được.

d). — Trong hàng 12 chữ cầm ấy, chỉ có bốn chữ r, s, v, x, là được ngắn và gọn, còn 8 chữ kia đều dài cả. Đây có Chữ v đem dùng được tiện hơn và sáng sủa hơn chữ w nói trên. Vốn chữ v viết gần theo cùng một khổ như chữ w cho nên ở trên kia tôi tuy đã loại w không thuận dùng được mà còn đeo ý tiếc, tới đây được thấy có chữ v điền vào, nghĩa là cũng hình như kéo lại được chữ w, nên rất ưng ý vậy. Mà nếu cả hai chữ w và v cùng được dùng cả, thì cũng không thể nào ép lòng dùng được vì lẽ người ta có thể chữa chữ v ra w dễ lắm. Suy biến mọi điều tôi rất đành lòng vứt hẳn chữ w đi mà không còn tiếc nữa. Tôi loại bỏ chữ r, thành ra trong mấy chữ gọn đó, tôi ưng lấy có v, s và x mà thôi.

Đành phải gượng lấy thêm 3 chữ trong 8 chữ cầm dài còn lại. Những chữ b, d, j, l, q, đều dễ chữa cả, còn lại 3 chữ f, k, z, hơi được vừa ý thôi.

Nhưng trên kia tôi đã tỏ cái hại của hai chữ w (hoặc v viết cùng một khổ) và chữ s trong khi làm giấy tờ, mà đây tôi lại còn trọn lấy là nghĩa làm sao ! Sau khi để ý xét đến cái ngón giáo quyết biến hóa của người đời thì không tài nào có thể tránh xuê được hết mọi cách hiềm trá, nhất là chữ w hoặc v, « khi viết »

đã mượn-tượng hình chữ m, n, hoặc u, hoặc một chữ khác rồi, và chữ s tuy dễ viết nhưng có hình chữ o méo, hoặc một chữ khác, khiến cho người ta càng dễ chữ, làm sai hẳn nghĩa đơn-tự đi. Chỉ có một phương sách rất chu toàn là đặc biệt bắt buộc viết riêng 6 dấu đó theo lối chữ in thì mới được hoàn toàn vậy. Nhất luật viết mấy dấu đó theo lối chữ in cốt để phân biệt hẳn với các chữ thường, lại để cho mắt được dễ nhận nữa. Nên chú ý đến khi viết chữ V phải gạch một nét ngang bịt kín đầu chữ lại, nét ấy gạch dài chút ít càng hay, kiểu như viết con số la mã (V) ở mặt đồng hồ, thì mới ra hết được chữ in, mới làm cho người khó chữa sai ra chữ thường khác được.

Tôi dùng chữ S và chữ V được là nhờ ở cái đặc cách ấy. Nếu không thế thì không còn cách nào mong cho văn tự được hoàn-toàn tiện dụng vậy.

Viết theo chữ in thì không còn sợ người ta có thể chữa chữ V và chữ S ra chữ gì nữa, mà đến như chữ Z lại được thu hình gọn lại. Bắt buộc viết chữ K theo lối chữ in lớn để phòng người ta chữa chữ X ra K chẳng! Nếu viết theo lối k nhỏ, họ có thể chữa chữ x thành k dễ lắm. Viết chữ f theo chữ in nhỏ, kiểu như dấu tiền phạt-lãng của nước Pháp, và phải gạch mạnh tay một nét ngang ở giữa cho được cân thừa ra đôi bên, nếu không vậy, người ta có thể nghĩ cách làm biến-hóa ra chữ khác được.

Sau khi đã thấu hiểu được phương sách mỹ mãn như trên, tất có người có cái quan niệm khác thường là muốn lôi kéo lại mấy con dấu của ông Vĩnh mà suy dụng hẳn cũng có thể được vẹn lắm chứ sao! Nhưng cần nên xem lại đoạn biểu sử của tôi ở trên nói về những dấu của ông Vĩnh, và đoạn thứ ba (C) trong mục này, thì sẽ nhận được rõ rằng những dấu đó có kém về mỹ-thuật trong khi viết, mà khi tiếp vào đơn-tự xem ra không lưu giữ được mấy chút âm hưởng.

của mỗi đơn-tự. Rồi ta hoặc nhìn, hoặc ngẫm, hoặc thử đặt mình làm người Pháp chưa biết tiếng ta mà đọc chữ của ta chuyển theo năm dấu của ông Vĩnh, thì sẽ biết được những đơn âm được dòn tiếng hay không dòn tiếng, hay cái phép tắc sửa đổi phải đáng nên cần trọng như thế nào ! Tôi xin nói quyết một điều rằng ông Vĩnh tuy nghĩ ra năm dấu đó để dùng, nhưng chỉ là một sự dùng ép dùng gượng mà thôi.

Vậy dưới đây xin phụ thêm cách ấn định những chữ cam vừa lựa ở trên vào mỗi dấu, mà xin dành riêng cho mỗi người có cái ý cảm tưởng riêng về sắc điệu của 6 dấu mới ấy, lần ở đuôi các đơn-tự sẽ được có phần văn vẻ nào chăng !

e). — Chữ đã có đủ để điền cho dấu, thì chỉ còn cách lựa phân các dấu sao cho được vừa ý.

Trong việc lựa phân các dấu, cần phải cân đo đánh từng tiếng xem nên cho chữ nào thay cho dấu nào, hoặc khi viết ra, ngó có được thuận mắt hay không.

Trước hết hãy trộn lấy một chữ để chỉ dấu cam.

Trong 6 dấu, dấu cam dùng nhiều hơn hết, vì những đơn-tự trộn thường chiếm một phần khá nhiều trong một bản viết. Vậy phải cần một chữ dễ viết, lại được sáng sủa và phải thanh tiếng, để giữ được nguyên vẹn âm cho mỗi đơn tự trộn.

Trong 6 chữ cam, chỉ có ba chữ S, X, V, được dễ viết và được sáng sủa hơn cả. Trong 3 chữ đó, chữ nào cũng dễ viết như nhau, duy chỉ có một chữ S được gọn tiếng và thanh tiếng hơn hết, vậy S được trúng tuyển làm dấu cam, hẳn không có điều suy hại mấy cho thanh âm của đơn tự trộn. Tôi đây tôi thấy được đồng ý với ông Dương-Tự-Nguyên thuận trộn chữ S làm dấu cam.

Còn 5 dấu chuyển âm kia, tôi đề ý cân nhắc năm chữ cam còn lại, thuật lựa theo thanh điệu của từng chữ mà chuẩn-định. Mấy chữ thay dấu đó, sau một phen cân đo

trao lựa, có cái hảo sắc khác thường hơn những dấu của ông Nguyễn-văn-Vĩnh, là vẫn có thể giữ được ít nhiều nguyên nết về âm hưởng của từng đơn-tự vậy :

Sáu dấu :

S	dùng làm dấu cảm viết ở cuối những đơn-tự tron	
Z	đọc là nặng, thay cho dấu	•
K	» sắc	ˊ
V	» huyền	ˋ
f	» hỏi	ˊˊ
X	» ngã	ˋˋ

f). — Những vần trắc như : ac, uc, ip, it, ut, ich, vân vân, ông Dương-lự-Nguyên trước định khi viết không cần phải điểm thêm dấu sắc, vì âm hưởng của những vần ấy nghe ra có chứa sẵn dấu sắc rồi, nhưng sau này ông có phụ thêm một dấu cảm cho mỗi đơn tự không dấu để người ta khỏi chữa đổi được. Thế thì đường nào cũng phải thêm một dấu, vậy thì những vần trên đó cứ viết cả dấu sắc cho được rõ ràng hơn, cho đỡ được sự bối-rối trong khi viết phải gở tới trí nhớ nhận ra rằng vần ấy vần này không cần dấu sắc ! Mà còn được thuận tiện thêm cho sự dùng của mọi người vốn xưa nay quen lắm rồi.

* *

Trông vào mục-đích chỉ cốt sao cho được hoàn toàn tiện lợi, và vừa tránh nỗi được mọi nỗi khó khăn gian trá, lại vừa truyền đổi vẫn đúng dạng của mọi người quen dùng xưa nay là được rồi, cho nên nếu sau khi đã « nhận rõ » qua những cách thay đổi như trên kia, thì vẫn cứ theo đúng nguyên lối ghép vần thường dùng mà viết, tất được có điều thỏa mãn, và không thể nào sai lạc mất âm-dọng của đơn-tự vậy.

Sau hết chú trọng vào 6 lẽ thiết-yếu sửa đổi trên kia, nếu cách mới này đã đầy đủ ý nghĩa hoàn-toàn, đã được

đắc-pháp, không còn sót điều đáng trách-bị, thì tất cũng đã có thể được vừa mọi ý tiện dùng của mọi người rồi. Mà xem ra lối chữ mới theo cách của tôi đây lại có thể giúp cho người Pháp được dễ học tiếng Nam hơn là học bằng lối chữ Nam hiện dùng nữa, thì thật là một cách rất châu đáo lưỡng tiện vô cùng.

Duy có một điều còn hơi phàn nàn là «chữ lối mới» viết hơi giải hơn chữ hiện dùng, có người sợ cho vì đó mà viết kém nbanh đi chẳng, nhưng nên chú ý là nếu đã quen tay, quen mắt, quen miệng, quen tai và quen óc rồi, thì dù đến chữ Pháp anticonstitutionnelle dài 25 chữ, vẫn viết được nhanh nhẹn trôi chảy như thường. Huống hồ mỗi đơn-tự viết theo lối mới này chỉ giải hơn mỗi đơn-tự cũ, một hoặc hai hoặc ba chữ là cùng, vậy có gì gọi là giải mà sợ viết không được nhanh. Cái sự nhanh hay chậm chỉ ở khối óc từng người mà thôi!

Tóm lại chỉ có một điều hơi khó chịu cho lẽ thứ 5, nói về việc dùng đánh giây-thép.

Tiện đây tôi muốn nhắc qua cho mọi người nhớ lại mấy điều bắt buộc của nhà bưu-điện nói về thể-lệ đánh giây-thép thi hành trong cõi Đông-Pháp :

« Chỉ kể làm một tiếng những đơn-tự hoặc phức-từ, những tên đất, tên xứ, tên tỉnh, tên đường, tên phố, vân, vân, mà những tiếng đó đã được nhất-luật xác-định thông thường ».

Nếu như vậy thì tỉ như chữ kép của mình như «hoàn-cảnh» (bắt buộc viết phải có dấu ngang-nối mới được), nếu dùng vào điện-tín thì có lẽ chỉ kể làm một tiếng, vì chữ đó đã được xác-định dịch theo chữ ambience hay milieu của chữ Pháp! Còn như những thành-ngữ thì không thể kể làm một tiếng được.

«Thường thường những chữ số viết bằng chữ thường, những tên người, (tất thường viết đủ cả họ và tiếng

đem liền với nhau để coi như một tiếng) chỉ được phép viết tới 15 hoặc 16 chữ là dĩ hạn. Quá số đó phải kể thêm làm một tiếng nữa.» Thế mà tên người mình viết thường giải quá cái hạn số đó, dù theo lối chữ hiện dùng cũng vậy, như «Nguyễn-trường-Thượng» = 18 chữ, mà viết theo lối chữ mới này lại giải hơn thế nữa : «NgouyensextrueungvThueungz» = 24 chữ. Nếu mà viết tắt họ và chữ đệm thì cũng đúng phép được, nhưng có thể sinh ra nhiều điều bất như ý.

Vậy nếu có dùng lối chữ mới vào việc điện-tin thì tất rồi Chính-phủ cũng dành riêng cho người Nam một bản quyết-định đặc-cách về việc này.

Kết thúc bài này, tôi muốn nhắc lại một ý là nếu văn-tự của mình theo lối chữ mới này đã được đủ ý hoàn-toàn tiện-dụng, thì mình cũng cứ nhận lấy cái đặc-sắc riêng là đủ, mà chẳng nên có quan-niệm không hay đem phân-bì chữ mình với mọi thứ chữ nào khác vậy.

Seuns-Ngocz
NGOUYENX-VEANS-LUEUNGS.

Looik chux meuik

Chux Kaik

A B C D (đ) E (ê) F G H I J K L M N O P Q R S T U (ư) V X Y Z (d)

Chux ngouyeus-aams

A, AA (â), EA (ă), E (ê), EE (e) EU (ơ), I, O,
OO (ô), OU (u), U (ư), Y, OUO (uô).

Chux fouz-aams

(Chux naov kok zaaouk ngoeacz hais bens lav chux kaams)
(B) C (D) (F) G H (J) (K) (L) M N P (Q) (R) (S) T (V) (X) (Z)
zaaouk kaams vav zaaouk chouyenf aams

S

V X Z f K

Zaaouk kaams

~ ~ • ~ /

*Chú thích
về dấu*

Nhất luật viết những dấu này theo lối chữ in
Viết V gạ h ngang một nét bít kín đầu chữ lại
Viết K theo kiểu chữ in lớn, để tránh sự chữa x ra k
(qui cách này đặt riêng cho chữ viết mà thôi)
Viết f theo kiểu chữ in nhỏ, gạch đậm một nét
ngang ở giữa cho cân đôi bên, gạch thừa ra chút
ít càng hay, kiểu như viết dấu tiền phật lăng nước
Pháp.

Dấu cam S viết ở cuối những đơn tự tron.

Vaanv Xouois (Beangv)

Xin chú ý: 1). — Trong văn bằng qu có văn quo không bao
giờ dùng đến, vậy tôi tước bỏ đi, để viết văn quô theo « lối
chữ mới » bớt được một chữ o là quou (quô). Tôi bỏ cả văn
quu nữa. Chỉ riêng một văn quur viết theo lối mới là « quou »
có hai chữ u đi liền nhau. Nhưng văn này ít khi có dùng
trong văn tự.

2). — Tôi có phụ chữ y vào tùy từng văn được thuận dùng
xưa nay, do theo cái biệt tính của nó vốn khác với chữ i, như
my = mầy (may ra họa my mới làm nổi được công chuyện
đó thôi...) phải viết khác với mi (chim họa my, tu mi)
vân vân...)

Ba, bea, baa, bee, (be) be (bê), bi, bo, boo (bô) beu (bơ),
bou (bu), bu (bư).

Cha chea chaa chee che chi cho choo cheu chou chu.

Da dea daa dee de di do doo deu dou du.

Fa fea faa fee fe fi fo foo feu fou fu.

Ga gea gaa gee ge gi go goo gêu gou gu.

Ha hea haa hee he hi ho hoo heu hou hū hy.

Ja jea jaa jee je ji jo joo jêu jou ju.

Ka kea kaa kee ke ki ko koo keu kou ku ky.

Kha khea khaa ktee khe khi kho khoon khuu khou khu.

La lea laa lee le li lo loo leu lou lu ly.

Ma mea maa mee me mi mo moo meu mou mu my.

Na nea naa nee ne ni no noo neu nou nu ny.

Nga ngea ngaa ngee nge ngi ngo ngoo ngeu ngou ngu.

Nha nhea nhaa nhee nhe nhi nho nhoo nheu nhou nhu.

Qoua qouea quoua quoue quoe quoi qouo (quô) queu
quou (quur) quuy.

Ra rea raa ree re ri ro roo reu rou ru.

Sa sea saa see se si so soo seu sou su sy.

Ta tea taa tee te ti to too teu tou tu ty.

Tha thea thaa thee the thi tho thoo theu thou thu.
 Tra trea traa tree tre tri tro troo treu trou tru try.
 Va vea vaa vee ve vi vo voo veu vou vu vy.
 Xa xea xaa xee xe xi xo xoo xeu xou xu.
 Za zea zaa zee ze zi zo zoo zeu zou zu.

Vaans Ngueucz (Treack)

A

Ac ai am an ao ap at aou ay ach ang anh.

A A (â)

Aac aam aan aap aat aau aay aang.

E A (ă)

Eac eam ean eap eat eang.

E (ê)

Ec em en ep et eou enh eng

E E (e)

Eec eem een eeo eep eet eeng.

EU (ơ)

Euc eui eum eun eup eut eung,

I

ia ic im in ip it iou ich inh iec iem ien iep iet ieou ieng.

O

Oa oe oee oi om on op ot oac oai oam oan oao oap oat

Oay oach oang oanh, — Oeac oeam oean oeap oeat oeang.

Oeec oeem oeen oep oeet oeeng ong.

Onng oec (Vaany noik ngongz) — Thik zouz :

Binhv bonngs, bonngs binhk, bonngs binhv.

Chouongs keous miengz jaatz jaatz binhv binhk bonngs.

(Ngouyenz-Huoux-Zouyeus)

O O (ô)

Ooc ooi oom oon oop oot ong.

Oonng oocc (vaany noik ngongz) — Thik zouz :

Trens danv trangv, tiengk troongk loungs loungs,

Mox loock koock, chouongs doongv koongs kinhk.

(Trouyenz Typ-Bav, Mais-Nhacz Doany-Tus-Thouaatz Zichz)

OU (u)

Oua ouc oui oumoun oup out ouy ouin ouip ouit oung

ouaác ouaam ouaan ouaap ouaat ouaay ouaang.

Ouich ouinh ouya ouych ouyn ouynh ouyen ouyet.

Oue ouec ouem ouen ouep ouet ouech oueng ouen.

Ouoc ouoi ouom ouon ouop ouot ouong.

U (u)

Ua uc ui um un up ut nou ung.

Ueuc ueui ueum ueun ueup ueut ueuou ueung.

Y

Ya ym yn yem yen yet yeou yeng.

Mootz baiiv thik zouz
Kims-Vaans-Kieouv.

Treams neams, trongs koix ngueuiv tas.
 Chux taiv, chux menhz, kheek lav gteek nhaous.
 Traif qouas mootz konocz bef zaaous,
 Nhungx dieouv troongs thaayk mav daous-deunk longv.
 Laz jiv bif seack, tus fongs,
 Treuiv saehs goueens thoik mak hoongv danhk geens.
 Kieouf theums laanv jeuf trueuck deenv,
 «Fongs-tinhv koof-loucz» konv trouyenv suf sanhs.
 Reangv : neams Jas-Tinhx trieouv Minhs.
 Boonk fueungs feangf leangz, hais kinhs vungx-vangv.
 Kok nhav viens-ngoaiiz hoz Vueungs.
 Jas-tus ngif (nghĩ) kounxg thueungv thueungv baacz troungs
 Mootz trais kons thuk rootk longv,
 Vueungs-Qouans lav chux, nooik zongv nhos-jas.
 Daaouv longv hais af took-ngas,
 Thouyk-Kieouv lav chiz, eems lav Thouyk-Vaans.

Ngouyex-Zous

Cách đọc : ea = ă, aa = â, e = ê, ee = e, eu = ơ, oo = ô,
 ou = u, u = ư, ouo = uô, z, = d, d, = đ.
 Sáu dấu viết theo chữ in : S=dấu câm, V=, X=, Z=, f=?, K=/.
 Văn bằng : Ka = ca..., ja = gia..., quoa = qua..., fa = pha...,
 Gee, ge, gi = ghe ghê ghi. — Ngee nge ngi = Nghe nghê nghi.
Seuns-Ngocz Ngouyex-Veans-Lueungs



CÙNG CÁC ĐỌC-GIẢ

Bài trên này quá dài, nhưng vì phải in cho hết vào một kỳ nên tập-chí số này tuy có thêm ra 8 trang nữa mà vẫn không đăng đủ được các bài khác, chúng tôi lấy làm tiếc lắm. Xin các đọc-giả lượng thứ.

NHỮNG TRUYỆN LÝ-THÚ

TRÊN ĐÀN VĂN.



Nhân dịp xuân sang, ngày rộng tháng giải, kỳ-giả tưởng nên chép ít chuyện có lý thú thuộc về cảnh Tết để cùng đọc-giả mua vui, cũng là một cách chơi văn nhả vậy :

= × =

1. Ông Huỳnh-văn-Thái với Thầy-Chùa

Ở tỉnh Nghệ-an, có ông Huỳnh-phan-Thái lúc còn nhỏ đã nổi tiếng hay chữ. Người ta thường kêu ông là thần-đồng. Lúc ông còn đương đi học, gần nhà ông có một vị Huề-thượng cũng hay chữ, tánh ưa thi phú, ông Thái thường hay giả làm học trò nghèo đến trêu ghẹo luôn luôn.

Một hôm gần tết, Huề-thượng viết liên gián đồ hết trong cột chùa và ngoài cửa ngõ. Ông Thái giả dạng học trò nghèo đến xin ngủ trọ một đêm. Khuya lại, ông mò vào cửa tam bảo, thấy Huề-thượng có viết một cặp liên mỗi bên bốn chữ gián lên hai cột rằng :
« *Khuyến thiện trừng dâm* » ;
« *Cứu nhân độ thế* ».

Ông Thái liền viết nối xuống dưới hai câu ấy rằng :

« *Khuyến thiện trừng dâm, con đâu để tháng tư mồng tám ?* »

« *Cứu nhân, độ thế, của ai một mất đền mười ?* »

Nguyên ý Huề - thượng muốn đem câu *khuyến - thiện trừng dâm*, nghĩa là : Khuyên điều lành, răn điều dâm, mà đối với *cứu nhân độ thế* là : cứu người giúp đời. 2 câu cùng ở trong kinh nhà Phật để đối nhau, ông Thái muốn chọc Huề-thượng chơi, mới lấy tích tháng tư mồng tám là ngày Phật sinh, và câu Tục-ngữ của Phật mất một đền mười nối vô. Ý nói, đã khuyên điều lành, răn điều dâm sao lại có ngày Phật sinh. Đã cứu người giúp đời, sao lại có câu : của Phật

mất một đèn mười ? Viết vừa xong, cậu tiểu bắt được dân vô Huề-thượng.

Huề-thượng giận lắm bèn đem nghĩa-lý văn-chương ra hỏi ông, nhất nhất câu nào ông cũng trả lời trôi chảy hết, nhưng Huề-thượng cũng chưa hết giận, lại ra cho một câu đối lựa chữ rất khó :

Cái là tượng, tượng là voi voi châu cửa cái.

Ông xin phép Huề-thượng ra cửa Tam-Quan rồi đọc lên rằng :

Tu là hổ, hổ là cọp, cọp bắt thầy tu.

Đối xong bỏ chạy mất.

Nguyên theo chữ nhỏ, chữ « cái » là tượng (hình dáng), chữ « tượng » lại nghĩa là voi, đối lắm, thế mà ông dùng chữ tu nghĩa là xấu hổ, chữ hổ nghĩa là con cọp mà đối lại thì rất là tài tình.

* *

Lại một bữa, ông Thái lấy vải cột chân, đi cà kheo giả làm thằng què, đến xin ăn nhà Chùa và xin tiền Huề-thượng, cũng xưng mình là học trò nghèo nữa. Lúc đó Huề-thượng đương

ngồi chui đèn, bên cạnh có quan tiền để trả tiền củi, chợt thấy người học trò đã què lại nghèo, hỏi xin tiền, liền ném quan tiền ra sân mà bảo rằng : « Đó ta ra cho mi một câu đối, hễ đối được thì cho hết quan tiền ; Ông Thái nghĩ thầm Huề-thượng chắc tưởng ta què nên mới làm như vậy, bèn làm bộ lết lại gần quan tiền năn nỉ xin Huề-thượng ra câu dễ dễ mà miệng thì rên rĩ kêu đau khổ không ngót.

Huề-thượng lúc đó đương châm dầu đèn, vì mắt mắc ngó quan tiền nên làm đổ dầu xuống cái đế đèn, liền đọc tức cảnh rằng : « *Dầu vương cả đế* ».

Ông Thái làm bộ ngẫm nghĩ ít lâu, nhìn chung quanh không thấy có ai rồi, tức thì đối lại rằng :

Sãi vãi vào sư.

Đọc rồi liền cướp quan tiền chạy mất.

Hai câu này mà hay được là nhờ ở 4 chữ Vương, đế, vãi, sư, nhưng câu của ông đối lại có ý xác xược nữa

[Cộng Luận]



2. Cụ Yên-Đồ với ông đồ hàng xóm

Khi cụ Yên-Đồ còn ở nhà, có một bác đồ hàng xóm nhà nghèo, học cũng khá, nhân dịp tết đến, nghĩ cũng không muốn dùng chữ Hán, định dán câu đối nôm, song gần cụ, cũng không dám mua diu qua trước mắt thợ, bèn sang xin cụ đôi câu đối về dán. Cụ hỏi : « cảnh bác thế nào, mà bác muốn tỏ cái phong lưu giả hay cái phong vị kiết ra ? » bác đồ thưa « tết con cũng chẳng có gì, chỉ bòn tiền mua một quả pháo đốt chơi nhưng cũng là kiết chứ có phải phong lưu gì mà đốt mừng xuân ; vả làng mạc họ cứ bảo con tết này thời vợ con nhà cửa tất bị công nợ súc bách phải siêu dạt đi nơi khác mất ; vậy xin cụ nghĩ cho con xin một câu tỏ tình cho người biết rằng : chưa đến nỗi nào » Cụ bèn bảo : « thế thì anh biết làm câu đối rồi, cứ sắp lại những lời kể ấy đi, có đôi câu đối hay rồi đấy ».

Bác đồ cũng nhanh, bèn

thưa trình cụ rằng : « con định làm thế này, xin cụ tha phép cho ». Cụ bảo bác cứ đọc. Bác kia đọc rằng :

« Một đồng tiền mua quả pháo đốt chơi, thưa với anh em rằng : « thực sắc » !

« Đạp gốc dậu, dựng cây nêu đứng lại, để cho làng nước biết « không siêu ».

Cụ khen rằng « anh cũng có tài đấy, song văn chương phải cân nhắc từng chữ thì mới hay, mà nhất nghề làm câu đối dùng chữ càng phải cẩn thận lắm. Thôi để ta chữa cho thế này thì ổn mà chỉnh. Cụ đọc rằng :

« Bòn đồng tiền, mua quả pháo đốt chơi, trình với anh em rằng « thật sắc » !

« Kiếm cây tre, dựng gốc nêu cắm đó, cho làng nước biết « không siêu ».

Xem câu đó chỉ đổi một vài chữ mà giá trị khác nhau thế, cho nên mới biết dùng chữ làm văn thực khó !

3. Ông Nghè - Tân với ông Nghè-Cốc

Ông Nghè - Tân lúc đang làm Tổng-Đốc đã nức tiếng là nôm hay.

Tối 30 tết, ông Nghè-Cốc giả làm học trò nghèo, vào xin ăn và xin tiền. Ông Nghè Tân tưởng là học trò nghèo thực, mới sai dọn cho ăn uống tử tế rồi ra cho đôi câu đối, bảo hễ có đối được thì sẽ cho tiền. Câu rằng :

Doanh (1) quan-lớn gọi là Dinh (2), võng lọng hèo hoa (3), ngù (4) giáo đỏ, quân kiệu (5) sắp hàng đôi.

Ông Nghè - Cốc ăn uống no nê rồi, nửa tỉnh nửa say, đọc đối lại rằng :

Tiết ba mươi gọi là tết, chè lam, bánh chưng nhân đậu xanh, dưa hành đánh miếng một.

Ông Nghè-Tân tắc lưỡi khen hay.

4. Ông Tú-Xương với cô đầu

Ông Tú Xương thích đi hát. Một ngày tết kia, ông đến nhà cô đầu, cô đầu xin bài thơ mừng xuân. Ông ứng khẩu đọc :

*Mừng xuân mừng lắm khách,
Quanh năm rộn đàn phách.
Chuyện nở như gạo vàng,
Chuyện dai như chảo rách.
Đỏ cả bốn chân giường,
Siêu cả hai bức vách.*

Vừa đọc đến đó, cô đầu đỏ mặt tía tai xin thôi đừng đọc nữa thành ra đến nay ta cũng chỉ biết có sáu câu ấy thôi.

5. Ông Nguyễn-Xiễn với ông Tôn-thất-Thuyết

Ông Nguyễn-Xiễn, văn hay, chữ tốt mà thi hỏng hoài. Ông bất đắc chí, nhân mồng một tết, cứ đi lang thang ở đường, nghe nói ông Tôn-thất-Thuyết bấy giờ đang làm Tổng-đốc ở tỉnh ông, quyền thế lừng lẫy,

1) Doanh : về phép binh-chế là 500 người.

2) Gốc ở chữ doanh.

3) Trượng gậy của nhà quan thường làm bằng trúc có vằn lên như hoa.

4) Năm cước ở trên cái hèo hay cái giáo.

5) Quân khiêng kiệu.

lại được phép « tiền trăm hậu tấu » (1), nên ai cũng khiếp sợ, ông muốn vào trêu chơi.

Đến nơi, thấy ông Thuyết, ông không chào mà nói : « Chúng tôi học trò nghèo học mãi không đỗ, chán quá, muốn nhờ quan lớn hóa kiếp cho ».

Ông Thuyết không hiểu sao, nói nhỏ với tên lính : « thằng này điên ngộ hay cuồng ngu sao đây... »

Ông Xiển nghe thoảng ứng khẩu đọc luôn :

Hán Tổ điên hào kiệt (2),

Vũ-Đế ngộ thần tiên (3).

Tăng-Diêm cuồng thiên

địa (4),

Nhan Uyên ngu thánh

hiền (5).

Bốn câu ngu-ngôn trên đó tỏ ra rằng ông Xiển thực xược, nhưng ông Thuyết cũng chịu là tài biến báo, nên vội đứng dậy mời vào nhà trong nói chuyện.

KH. S.

1) Trước hầy chém đã rồi sau mới tâu vua sau.

2) Ý nói ta có điên đảo nữa thì cũng chỉ điên đảo như vua Hán-Cao-Tổ điên đảo (xoay trở làm cho điên đảo) các hào kiệt.

3) Ý nói ta có ngộ cũng ngộ như ông Hán-võ-Đê ngộ (mê lầm) phép thần tiên.

4) Ý nói ta có cuồng thì cũng cuồng như ông Tăng-Diêm cuồng cả trời đất.

5) Ý nói ta có ngu thì cũng ngu thánh hiền như ông Nhan-Uyên (tức là Nhan-Hồi học trò đức Khổng-Tử).



BỒ - CHÍNH

Bài « Văn-đề viết quốc-ngữ cho trùng » đăng ở V. H. T. C. số 11 là của ông Trục-viên PHẠM-VĂN-NGHỊ. Thợ sắp chữ quên không sắp nên nay bổ-chính.

CHINH PHỤ NGÂM

DỊCH RA PHÁP - VĂN

(Tiếp theo)

241. — Sầu ôm nặng hãy chớng làm gỏi,
Buồn chửa đầy (1) hãy thôi làm cơm.
Mượn hoa, mượn rượu giải buồn (2),
Sầu làm rượu nhạt, mượn làm hoa ôi.
245. — Gõ senh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đàn tranh mấy phiếm rời tay.
Xót người hành dịch bấy nay,
Dặm xa thêm mỗi chắp đầy lại vơi. (3)
249. — Ca quyên gheo, làm rơi nước mắt,
Trống tiêu khua, như dứt buồng gan.
Võ vàng đôi khác dong nhan,
Khuê-ly mới biết tân toan nhường này.

La nuit, je ne dors pas car les chagrins m'accablent ;
le jour, je ne mange pas, car les tristesses me tourmentent.
Je voudrais dissiper mes ennuis en regardant des fleurs
et en buvant de l'alcool. Mais l'alcool me paraît fade,
et les fleurs me semblent flétries à cause de ma tristesse.
J'ai beau frapper par séries de coups des castagnettes :
elles ne produisent pas de son. J'ai à peine tiré quelques
notes de ma guitare : déjà elle se détache de mes mains.
Et ma pensée se reporte vers celui qui est parti bien
longtemps pour le service de l'Etat et qui, le corps alourdi
de sacs plus ou moins pleins, a dû subir bien des fati-
gues sur les routes lointaines.

Des larmes me coulent des yeux quand j'entends
chanter le coucou qui semble me taquiner. Et mon cœur
semble se briser chaque fois que résonne bruyamment
le tambour d'un poste de veille. Je deviens maigre et ma
physionomie change complètement : je comprends main-
tenant combien est grande l'amertume de la séparation.

1) Var. : Mượn ôm đầy. . .

2) Var. : Rượu cùng hoa rắc tả dăm.

3) Var. : Dặm xa mong mỗi hết đầy lại vơi.

PLAINTES DE LA FEMME D'UN GUERRIER

Poème populaire annamite

Traduction littérale et interprétation française

PAR UYÊN - TOÀN

(Suite)

241. — (Les) chagrins (que je) porte (m')accablent et (j'en) entasse (pour en) faire mon oreiller ;

(Les) tritesses (qui) s'accumulent (me) remplissent (le cœur) et (j'en) fais cuire (pour en) faire (mon) riz.

(J'ai) recours (aux) fleurs, j'ai recours (à l')alcool pour dissiper (mes) tristesses :

(Les) chagrins font (que l')alcool (devient) fade (et les) ennuis font (que les) fleurs (deviennent) flétries.

245. — (J'ai) frappé (les) castagnettes (de) jade (par) plusieurs séries (de coups mais elles) ne (produisent) pas (de) son ;

(J'ai) porté dans mon sein (la) guitare (et après) quelques notes, (elle) se détache (de mes) mains.

(J'ai) pitié (de) celui (qui est) parti (pour le) service (de l'Etat il y a) bien longtemps

(Et qui, sur la) route lointaine, (a dû subir) bien (des) fatigues (avec) joints (ensemble des sacs) pleins et à moitié remplis.

249. — (Le) chant (du) coucou (qui semble me) taquiner fait tomber (mes) larmes ;

(Le) son (du) tambour d'un poste de veille qui résonne bruyamment (me torture) comme (s'il) tirillait (mon) foie.

(Je suis) amaigri (et je) change complètement (de) physionomie.

(La) séparation : alors (je) sais (maintenant qu'elle est) amère [*lit* : piquante (et) aigre] (à) ce point.

253. — Nếu chua cay tấm lòng mới tỏ,
 Chua cay này há có vì ai.
 Vì chàng lệ thiếp rỏ đôi,
 Vì chàng thân thiếp lẻ loi một mình.
257. — Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
 Lệ thiếp nào chút vương bên khăn.
 Bui còn hồn mộng được gần,
 Đêm đêm thường tới (đến) Giang-tân tìm người.
261. — Tim chàng thuở Dương-đài lối cũ,
 Gặp chàng nơi Trương-phố bến xưa.
 Xum vầy mấy lúc tình cờ,
 Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân.
265. — Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
 Thời gần chàng bến Lũng, thành Quan.
 Khi mơ những tiếc khi tàn,
 Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.

C'est maintenant que mon cœur connaît cette amertume. Mais à qui est due cette amertume ? C'est à cause de vous que mes larmes coulent abondamment ; c'est encore à cause de vous que je reste toute seule.

Ma personne ne peut pas être auprès de vous sous votre tente, ni mes larmes ne peut mouiller votre mouchoir. Seule mon âme est souvent à vos côtés, et toutes les nuits, elle vient vous chercher au bord du fleuve. Elle vous cherche sur les anciens sentiers de Dương-đài ; elle vous rencontre au vieux débarcadère de Trương-phố. Si, par hasard, nous nous voyons unis l'un à l'autre pendant quelques instants, ce n'est que l'effet d'une illusion. Je suis fâchée de ce que je ne suis pas, comme dans le rêve, à côté de vous au débarcadère de Lũng comme à la citadelle de Quan. Durant le rêve, je regrette que ce doux moment va prendre fin. Mais revenu à moi-même, je suis déçu de voir la réalité complètement différente du rêve.

253. — (En) goûtant (cette) amertume, (mon) cœur alors s'(en) rend compte.

Cette amertume, est-ce à cause (de) qui ?

(C'est) à cause (de) vous (que) mes larmes coulent (en) deux (filets),

(C'est) à cause (de) vous (que) ma personne (est) toute seule.

257. — Ma personne ne (peut) pas (être) auprès (de) vous sous (votre) tente.

Mes larmes nullement ne mouillent (votre) es-sue-mains.

Seule (mon) âme, (dans le) rêve, peut s'approcher (de) vous,

(Et) toutes les nuits, (elle) vient souvent (au) bord (du) fleuve (pour) vous chercher.

261. — (Elle) vous cherche (sur les) sentiers (de) Dương-đài (1).

(Elle) vous rencontre (au) vieux débarcadère (de) Trương-phổ (2).

(Si nous) nous (voyons) unis l'un à l'autre (pendant ces) quelques moments, par hasard.

Ce n'est que sur l'oreiller (pendant) une heure de rêve printanier.

265. — (Je suis) fâchée (de ce que) ma personne n'est pas, comme (dans le) rêve.

Auprès (de) vous (au) débarcadère (de) Lũng (ou à la) citadelle (de) Quan.

(Au) moment (du) rêve, (je) ne cesse de regretter que ce moment (va) prendre fin.

(Les marques d'amour (que l'on se témoigne) dans la rêve, (si même elles comptaient par) dix mille, (sont) comme nulles. (à suivre)

2) Dương đài, nom d'une montagne située dans la province de Hou-pé (Hồ-bắc) en Chine. C'est là que le roi de Sở Trương-vương s'est vu, dans un rêve, rencontrer d'une déesse.

2) Nom d'une rivière de la province de Hou-nan (Hồ nam).

3) Nom d'une citadelle située dans la province de Chen si (Thiểm tây).

Trong bạn đọc báo, ai có Văn-học số 1, thừa không dùng đến, xin cứ gửi về cho Bản-chí, Bản-chí sẽ gửi trả lại tiền bằng timbres postes. Các ngài cứ cuộn vào rồi giá 1 xu tem là được.



(NÀ THỎNG ĐÁI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

VII

Cô ôm lấy cổ Bạch-Hùng, sụt sùi nói :

Câu chuyện anh đã nói cho em biết, em thực cảm động lắm và cảm ơn anh đã tin em. Anh Bạch Hùng ơi : nếu anh còn có cái bồn phận thiêng liêng cần phải làm cho tròn vẹn, thì trên đời này không có sức gì bó buộc anh nổi. Nhưng anh dù còn ở đây, hay sẽ ra đi, xin anh nhớ rằng lòng em chỉ yêu anh mà thôi. Em xin chờ đợi đến khi anh trả xong thù, bấy giờ cảnh ngộ anh xoay ra thế nào em sẽ tùy theo mà định liệu đời em một cách xứng đáng.

Hai người im lặng một lát, Mai-Dung lại nói tiếp như chưa được hết ý mình :

— Nhưng dù sao em cũng ước mong cho anh được tròn vẹn trở về đây. Chúng ta yêu thương nhau lắm, chắc chẳng lẽ nào Trời nỡ không cho được như nguyện.

Bấy giờ Bạch-Hùng vác cây chuốt và hai bó mon cùng cô Mai đã về tới cổng. Bà Chánh-Quan đứng đợi trên sân ; hai người bèn lắng sang chuyện khác. Nhưng ta cũng nên nói thêm rằng từ đấy lòng Mai-Dung thế là vương thêm một nỗi lo buồn.

VI

Buổi trưa hôm đó nắng to. Nền trời cao mà xanh ngắt, giải giắc những vệt mây trắng sộp như bông. Mặt trời đỏ trói tung lửa xuống như muốn thiêu đốt thế-gian. Những ngọn núi xa, màu lơ nhạt, in hình trên nền chân trời màu sữa. Rừng cây im lặng như ngủ say. Một cơn gió không có, khí nóng nặng nề. Người ta ai nấy đầu óc vàng-vắt, bồ hôi nhễ nhại, uể oải lư

đừ. Trâu bò buộc dưới bóng cây há mồm thở hồng hộc, bọt mép sùi trắng như bọt nổi cơm. Mặt đất phản ánh nắng làm hoa cả mắt mỗi khi người ta nhìn ra ngoài. Những mái nhà tranh xa ngàn-ngát như bốc lửa. Cả cuộc đời làm lụng bấy giờ đều ần-núp dưới nóc nhà hay dưới bóng cây. Trên đường đi và ngoài mặt đồng bát-ngát, hẳn trơ không một cái bóng người hay bóng con vật nào.



Trong nhà ông Chánh vừa cơm nước xong, mỗi người nằm ngả một chỗ, đang lim-dim ngủ. Bỗng từ

xa về phía bờ ngòi có tiếng reo ồm-ào, rồi một đám đông tay cầm vợt, lưng đeo rổ rằm-rập kéo nhau đi như

nước chảy. Mai-Dung đang ngồi quay sợi ở ngoài trông thấy trước nhất vội gọi Bạch-Hùng.

Ninh tô biếu ! . . . (1)

Bạch-Hùng đang nằm lơ-mơ nghe gọi, vội vàng trở dậy.

— Tốt lắm ! ta theo họ đi kiếm ít cá về ăn.

Mai-Dung vui mừng đứng dậy, cất giường cất chiếu, quần khăn vuông, thắt dao lưng sắp-sửa theo Bạch-Hùng. Trong lúc đó, anh ta ở dưới nhà đã sắp đủ vọt lưới và đó. Hai người kéo nhau ra công, chạy theo đám đông người.

Những ngòi-lạch trên rừng phần nhiều lắm cá. Những thổ-dân cứ chờ độ nào nắng

lâu, mực nước cạn, thì họ lấy lá coi, hột tàn-mát rã nhỏ trộn lẫn với tro bếp rắc xuống giòng nước. Chết độc tan theo giòng nước, chảy đến đâu cá đớp phải say ngoi cả lên mặt nước, người ta cứ việc cầm vọt chờ súc lấy đồ vào dỏ.

Hôm ấy hàng tổng đi hái ruốc đông lắm. Đàn ông, đàn bà, già trẻ đủ mặt. Dưới bóng cây, trên làn nước, lổ nhố những người. Chỗ này cười, chỗ kia nói, kẻ gọi người thưa rầm-rĩ, cả một góc rừng. Gọi là đám ruốc cá, nhưng nếu gọi là một đám hội cũng không phải là không đúng.

(Còn nữa)

1) Ruốc cá. Xin xem tranh vẽ ở trang trên.



HỘP THƯ

Ông Nguyễn-thành-Hải Govap — Ba lần ông gửi mandat (tất cả 4\$) để giả tiền báo, chúng tôi đã nhận đủ. Xin nói để ông rõ.

Ông Nguyễn-xuân-Sanh Qui-nhon — Hai lần ông gửi mandat mỗi lần 1\$ tôi đã nhận lĩnh. Ông chớ cảm phiền.

Ông Nguyễn-ngọc-Báu Caukè và ông Trần-Sĩ Sông-cầu — Mandat 2\$10 của hai ông trả về hạn báo sau đã đến tay chúng tôi. Xin có lời cảm ơn hai ông.

Bất thành nhân cách ○ 成人格. Không ra người : *Trông bất thành nhân cách. Indigne.*

Bất thành văn lý ○ 成文理. Không thành văn-chương nghĩa lý gì : *Bài này bất thành văn lý. Style incorrect.*

Bất thời ○ 時. Không kỳ lúc nào : *Khoản chi thu bất thời. Imprévu.*

Bất thuận hương đảng ○ 順鄉黨. Không hòa thuận với dân làng. *En désaccord avec les habitants de son village.*

Bất trắc ○ 測. Nói về người bụng dạ thâm hiểm không sao đo lường được : *Người ấy tâm địa bất trắc lắm. Insondable.*

Bất trị ○ 治. Không làm sao được nữa : *Bệnh bất trị mất rồi. Indomptable.*

Bất võ ○ 武. Không mạnh gì, không giỏi gì : *Đánh nó bất võ. Sans courage. Lâche.*

Bê 閉

Bế ○. Đóng lại. Fermer.

Bế cảng ○ 港. Cấm cửa bế không cho người nước ngoài vô thông thương : *Nước ta đương cái thời-kỳ còn bế cảng, chẳng hiểu cái tình thế trong thế-giới ra sao cả. Lit. Fermer ses ports. S'isoler (en parlant d'un pays).*

Bế môn tạ khách ○ 門謝客. Đóng cửa lại không tiếp khách nào cả : *Ông ấy từ ngày về hưu, bế môn tạ khách, không tưởng gì đến việc đời nữa. Lit. Fermer sa porte pour ne pas recevoir de visiteurs. S'isoler (en parlant d'un homme).*

Bê 嬖

Bê ○. Yêu. Aimer.

Bê thần ○ 臣. Người bày-tôi được yêu dấu : *Ông Chu-văn-An đáng sợ xin chém bảy người bê thần đời bấy giờ. Sujet favori.*

Bế-thiếp ○ 妾. Người nàng hầu được yêu dấu : Ông ấy có một người bế-thiếp. Favorite.

Bệ 陛

Bệ ○. Thềm nhà. Perron, estrade ; trône.

Bệ hạ ○ 下. Dưới thềm. Tiếng dùng để gọi tôn vua, tỏ ý mình ở dưới thềm mà tâu lên : Cúi xin bệ-hạ soi xét cho. Lit. Au-dessous du trône. Sire (en s'adressant au Roi).

Bệ kiến ○ 見. Vào chầu trước mặt vua : Được vô bệ kiến. Se présenter devant le roi.

Bệ từ ○ 辭. Từ tạ vua mà đi đâu : Lúc đi, vô bệ từ. Présenter ses hommages au souverain avant un départ.

Bệ-vệ ○ 衛. Làm bộ tôn nghiêm lắm : Ngồi bệ-vệ giữa công-đường. Majestueux, majestueusement.

Bễ-nghe 睥睨

Bễ-nghe ○ ○. Gấp ghé nom dòm, có ý muốn cái gì cho mình : Chực bễ-nghe cái gì đó. Guetter.

Bệnh 病

Bệnh ○. Đau, ốm, chứng đau : I. Kỳ này tôi bệnh lắm. — II. Anh phải bệnh gì ? Malade ; maladie.

Bệnh căn ○ 根. Gốc bệnh : Phải biết rõ cái gốc bệnh thế nào mới chữa được. Racine du mal. Cause du mal.

Bệnh-nhân ○ 人. Người ốm : Những bệnh-nhân ở trong nhà thương. Un malade.

Bệnh-sắc ○ 色. Dáng mặt có bệnh : Trông người có bệnh-sắc. Air souffrant, malade.

Bệnh-tình ○ 情. Tình hình đau ốm : *Bệnh-tình chăm-trọng.*
Etat d'un malade, d'une maladie.

Bi 悲

Bi ○. Thương. Douleur.

Bi-kịch ○ 劇. Tấn trò thương thảm : *Bản bi-kịch ấy thật hay.*
Nghĩa bóng là một việc gì đáng buồn đáng thương : *Mới xảy ra có bi-kịch, một người đàn-bà bị ô-tô đè chết.* Drame. Tragédie. Evènement tragique.

Bi hoan ○ 歡. Buồn vui : *Cuộc bi hoan thay đổi không thường.*
Douleur et joie.

Bi-phẫn ○ 憤. Thương tức : *Cái lòng bi-phẫn phát ra lời vắn* Douleur et dépit.

Bi thảm ○ 慘. Thương thảm : *Cái tình cảnh bi thảm không biết là chừng nào !* Douloureux, pitoyable.

Bi 碑

Bi ○. Tấm bia. Stèle.

Bi-đình ○ 亭. Nhà bia : *Ngoài cửa miếu có cái bi-đình.*
Pavillon de stèle.

Bi ký ○ 記. Bài văn bia : *Đền Chấn-vũ Hà-nội có bài bi ký của cụ Hoàng cao-Khải.* Inscription sur stèle.

Bì 皮

Bì ○. Lớp da giầy ở ngoài. Peau.

Bì-lý ○ 裡. Trong da. Nghĩa bóng là nói chàm-chích người ta một cách kín-đáo không lộ : *Gồm những câu nói bì lý khó chịu quá.* Bì-lý người nọ người kia. Lit. Dans la peau. Fig. Critiques discrètes.

Bì-phu ○ 膚. Lớp da giầy ngoài và lớp da mỏng trong. Nghĩa bóng là nông nổi, bề ngoài : *Cái kiến-thức bì-phu.* Chỉ được cá bì-phu tây-học. Lit. Epiderme et derme. Fig. Le dehors, l'extérieur.

Bì 疲

Bì ○. Mỗi mệt. *Fatigué.*

Bì-quyện ○ 倦. Mỗi mệt: *Đi đường mấy hôm bì-quyện quá. Fatigué, las.*

Bì lao ○ 勞. Mệt nhọc: *Không quản gì bì lao. Fatigues et peines.*

Bì-nhuyễn 罷軟

Bì-nhuyễn ○ ○. Yếu-ớt, lười-lĩnh, chậm-chạp: *Việc quan bì-nhuyễn quá. Mou, nonchalant, lent.*

Bí 秘

Bí ○. Kín-đáo, không lộ. *Secret.*

Bí-kế ○ 計. Mưu chước kín: *Thâm-nuru bí-kế. Ruse secrète.*

Bí-mật ○ 密, Kín-đáo, không tiết-lộ ra ngoài: *Bí-mật bàn tính với nhau. Secret; Secrètement.*

Bí-quyết ○ 訣. Phép màu, thuật kín: *Cái bí-quyết làm giàu cốt ở cần kiệm. Le secret.*

Bí-tàng ○ 藏. Cái giấu kín: *Cái bí-tàng của trời đất khó mà moi tìm cho hết được. Mystère.*

Bí-thư ○ 書. Sách kín: *Sưu-tập những bí-thư ở chốn dân-gian. Livres secrets.*

Bí-truyền ○ 傳. Truyền bảo kín cho nhau: *Mấy phương thuốc bí-truyền. Transmettre secrètement.*

Bị 被

Bị ○. Mặc phải. *Particule qui marque le passif.*

Bị cảm ○ 感. Phải cảm: *Bị cảm gió nặng. Attraper un refroidissement ou une insolation.*

Bị-cáo ○ 告. Mặc kiện: *Những người bị-cáo đều khai chối cả. Accusé.*



HOA LƯ' KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN GIẢ : Dương-Bá-Trạc

XI

HỒI THỨ BA

(Tiếp theo)

Sáng ra, Bộ-Lĩnh truyền cho một ngũ mục-dồng đi vật trâu mỡ lợn, một ngũ nữa ra quét dọn cái miếu thần trong động núi, bày biện hương-án nhang nến chỉnh-tề, lại một ngũ nữa vào trong nhà thổi xôi cất rượu. Bộ-Lĩnh cùng Nguyễn-Bặc Đinh-Điền kéo nhau ra chỗ miếu thần trông quét dọn bày biện, xong, cùng nhau làm lễ. Nguyễn-Bặc Đinh-Điền đều xin nhường Bộ-Lĩnh làm anh, Nguyễn-Bặc làm em thứ, Đinh-Điền là em út. Trên thiết vị trời đất các thần linh trong nước; ba người khăn áo tĩnh túc lạy trước linh vị bốn lạy rồi quì đọc văn khấn rằng:

« Ngày 21 tháng 9 năm Giáp-Ngo (năm 931) người nước Việt-nam là Đinh-bộ-Lĩnh, Nguyễn-Bặc và Đinh-Điền, ba anh em chúng tôi kính đem lễ mọn, rãi tỏ lòng thành, khấn cùng hoàng thiên hậu-thổ, các vị thần linh rằng: Nước Việt-Nam chúng tôi chẳng may gặp vận truân-triên, quần hùng cát cứ, bốn bề phân tranh, dân

khổ lắm than, người lo nước lửa ; chúng tôi sinh chẳng gặp thời, sống mà chịu cực, mong phù nguy (1) mà định loạn (2), lo khử bạo (3) mà trừ tàn (4) độc lực nan chi (5), đồng tâm cộng tế (6), tuy mỗi người mỗi họ, nhưng một gia một lòng, kết làm anh em, thề cùng sống thác; nguyện có trời đất thần linh chứng-giám cho, ai trái lời xin thiên chu (7) địa duyệt (8) thánh phật thần hành (9). Kính khẩn

Khẩn xong, phủ phục (10), bình thân (11) lạy tạ bốn lạy nữa mà lui ra. Mười hai ngũ trưởng cũng đều khăn áo tươm túc, chấp tay đứng sắp hàng ngoài sân miếu. Bộ-Lĩnh cùng Nguyễn Bặc Đình-Điền ra truyền cho vào làm lễ, thì lần lượt kéo nhau vào trước linh-vị lạy mà thề rằng:



I Đứng giữa là Đình bộ Lĩnh
II Bên phải là Nguyễn Bặc
III Bên trái là Đình Điền

— Chúng tôi tình nguyện theo chúa công tôi là Đình-bộ-Lĩnh cùng vinh cùng nhục, cùng vui cùng lo, sống chết một lòng, nếu có sai ngôn thì xin vật chết ».

Làm lễ minh thệ rồi kéo nhau về nhà, Bộ Lĩnh truyền quân đặt một cái thọ án trước hiên, trong kê một cái

1) Giúp cơn nguy biến. — 2) Định loạn, làm cho nước được yên. — 3) Bỏ hẳn những cách bạo ngược. — 4) Trừ các kẻ tàn ác. — 5) Một mình thì khó làm nổi. — 6) Cùng một bụng cùng giúp. — 7) Giời giết. — 8) Đất làm hại. — 9) Hành hạ. — 10) Cúi xuống. — 11) Ngay lưng lên.

sắp cao, ngoài quét sạch đất giải chiếc chiếu lớn rồi cùng Nguyễn-Bặc Đình-Điền vào bẩm với mẹ rằng :

— Ba anh em chúng con đã cùng nhau kính cáo trời đất thần linh, kết làm anh em, thề cùng sống thác ; nay đều là tình trong cốt nhục (1), phận dưới sinh thành, xin rước mẹ ra ngồi giữa sắp cao, cho anh em chúng con cùng làm lễ tạ, trước là tỏ cái lòng thân thiết, sau là tỏ cái gia thảo-ngay.

Bà Đàm-thị nói :

— Mẹ được trông thấy các con như thế, thật vui sướng không còn gì hơn. Các con đã có lời, mẹ đây cũng chiều ý.

Bộ-Lĩnh liền truyền quân sắp kiệu, thì mười hai ngũ-trưởng đều vẫn khăn áo tĩnh túc chực sẵn ngoài hiên, được lệnh truyền, tiếng dạ vang trời, sắp hàng đi tới, khoanh tay làm kiệu, đón bà Đàm-thị lên, đặt ngồi giữa trốc cái sắp cao, Bộ-Lĩnh cùng Nguyễn-Bặc Đình-Điền kéo nhau vào lạy năm lạy, đồng thanh (2) bẩm rằng :

— Anh em chúng con nay kể thì thân-tử (3), kể thì nghĩa nhi (4), phận tuy khác mà tình cũng một ; dám xin lượng-tử (5) soi xét, chứng nhận cho anh em chúng con ; từ nay trở đi, con cả mẹ là Đình-bộ Lĩnh, con thứ mẹ là Nguyễn-Bặc, con út mẹ là Đình-Điền, mẹ là mẹ cả chúng con, mà chúng con là con mẹ cả.

Bà Đàm-thị nói :

— Nghĩ như mẹ thật cũng may mắn lạ thường, vẫn tưởng hiếm hoi có một mụn trai, mà tự nhiên trời đưa lại hóa thành đàn thành đồng ; thôi cái sự mừng về phần mẹ bây giờ không còn phải nói nữa, mẹ chỉ còn mong ước về phần các con sau này cùng lòng hiệp sức, lập được nghiệp lớn, dương danh hiển thân (6) ; mẹ dù thịt nát xương mòn, ngậm cười chín suối cũng còn thơm lây ;
cố đi các con ạ ! (Còn nữa)

1). — Xương thịt, nghĩa bóng là anh em. 2. — Cùng cất tiếng
3. — Con mình sinh ra. 4. — Con nuôi — con không phải mình đẻ ra mà lấy tình nghĩa nhận làm mẹ. 5. — Mẹ hiền. 6. — Làm cho rạng rỡ danh tiếng và vẻ vang cho cha mẹ.

Giới thiệu sách mới

Chúng tôi có tiếp được quyền ;

1. *Sách dạy đánh cờ* của ông Đỗ-tràng-San soạn, theo Quất-trung-Bi. Cuốn này dạy đủ cách như ra quân, dàn quân, « đi nước », « khép trận » v. v. ; vậy ai chưa biết cờ, ai đã biết cờ, muốn học, muốn cao, tưởng cũng nên mỗi người có một quyển này. Sách dày 60 trang — Giá bán 0\$25.

2. *Sách chơi xuân năm Quý-Dậu* của Nam-ký thư quán xuất bản, trong có nhiều bài nói về việc học và hình ảnh, Sách in khổ rộng, dày 50 trang — Giá bán 0\$30,

3. *Những áng văn hay* cũng của Nam-ký thư-quán xuất bản trong trích lục những bài văn hay của các nhà danh nho cổ và các bậc văn tài kim, lại có các bài phê bình về nhân vật và văn thơ và hình ảnh các bậc ấy. Cuốn này dày gần 200 trang — Giá bán 0\$50.

Vậy xin có lời cảm ơn các nhà đã gửi tặng và xin vui lòng giới thiệu cùng các độc-giá,

TIN VĂN

Bản báo từ ngày xuất bản vẫn thế theo lệ tạp-chí cho nên những tin thuộc về các ngài đọc báo cùng các bạn quen biết không hề đăng tới, vì mỗi tháng báo ra hai kỳ, nếu đăng sợ có tin chậm quá, không tiện. Song nay nghĩ lại những tin ấy nhiều khi cũng cần phải có mà nếu không đăng, sợ các ngài trách là lãnh đạm.

Vậy bắt đầu từ kỳ này, bản-chí thêm một mục « tin văn »,

1. **Ông Hoàng-tích-Chu tạ thế.** — Ông *Hoàng tích-Chu*, nguyên chủ-nhiệm báo Đông-Tây và là nghị viên dân-biểu Bắc-kỳ thụ bệnh luôn trong mấy tháng trời, hôm 29 tết vừa rồi đã từ trần. Ông mới 35 tuổi.

Chúng tôi xin có lời kính viếng ông yên giấc ngàn năm và chia buồn cùng tang-quyển.

2. **Hai ông bạn đọc báo thăng chuyển.** — ông *Phan-kế-Toại*, tri phủ Hoài-Đức Hà-Đông nay thăng **Bổ-chính** và bổ đi Thương-tá Nam-định. Ông *Nguyễn-qui-Toản* **Bổ-chính** Lạng-sơn nay bổ đi **Bổ-chính** Yên-báy.

Bản-chí có lời mừng hai ông.

VĂN - HỌC TẬP - CHÍ

MỤC LỤC

(Các bài đã đăng trong Văn - Học từ số 1 đến số 9)

Số 1 — Mai 1932

Lời phi lộ	1
Một việc tồn cổ nên làm.	9
Quốc văn bình giảng : Bài viếng cụ nghệ Văn Đình	16
Một nhà đại văn hào Ăng-Lê Villiam Shakespeare	25
Thi thoại Thơ cụ Bình-Khiêm, ông Nguyễn-hữu-Chỉnh và ông Nguyễn-công-Trứ	42
Dịch Pháp-văn : Khoảng không vô hạn	47
Dịch Hán văn : Bài minh mộ chí ông Tô-Tự.	50
Thơ văn	56
Ai dám bảo ta xưa không có tản-văn.	67
Từ hán : Thiếp mời, nhận nhời và từ tạ	73
Hoa lục kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết) I	83
Tự học tiếng Ăng-Lê I	89
Tự học tiếng Tàu I	97
Việt Hán Pháp từ điển I	105

Số 2 — Juin 1932

Quốc-văn Nam-Việt	1
Việc dùng điển trong thơ văn	19
Quốc văn bình giảng : Ba bài thơ vịnh thu của cụ Yên-Đồ	26
Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn I	34
Cổ thi chú giải : Chuyện Nhị Độ Mai	44
Thơ văn : cụ Nguyễn Đình Chiểu I	60
Những chuyện lý thú trên đàn văn	67
Từ hán : Giấy báo tin mừng hay buồn	71
Hoa lục kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết) II	79
Tự học tiếng Ăng-Lê II	89
Tự học tiếng Tàu II	97
Việt Hán Pháp từ điển II	105

Số 3 — Juillet 1932.

Vấn đề sơ đẳng giáo-dục ở nước ta	1
Quan niệm về chữ nhân	12
Quốc văn bình giảng : Lúc vạn chưa đạt của cụ Nguyễn-công-Trứ	25
Văn chuyện Kiều chịu ảnh hưởng những thơ văn nào ?	31
Chinh Phụ ngâm dịch ra Pháp văn II	46

Dịch Hán văn : Gương để vương I	54
Thơ văn	60
Thi thoại : Hai nhà thi nhân Nam-kỳ hồi triều Tự Đức (ông Tôn thọ Trường và ông Phan văn Trị)	68
Từ hàn : <i>thư chúc mừng I</i>	75
Hoa lục kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết) III	81
Tự học tiếng Anh-Lê III	89
Tự học tiếng Tàu III	97
Việt Hán Pháp từ điển III	105

số 4 — Août, Septembre 1932

Kính cáo độc giả về sự đổi tạp chí ra làm 2 kỳ	1
Thơ ca đối với tâm hồn người ta	3
Sự dùng điển trong thơ văn	9
Quốc văn bình giảng : <i>Bạn đến chơi nhà của cụ Yên Đỗ</i>	14
Ngọa long cương văn (bài văn rất cổ)	17
Thi thoại : cụ Nguyễn công Trứ	25
Cụ Phan thanh Giản	30
Tại sao ta đọc thơ văn lại thấy cảm	32
Cảm tưởng về lối kịch nước nhà	33
Chinh phụ ngâm dịch ra pháp văn III	40
Dịch Hán văn : Gương để vương II	48
Thơ văn : <i>thơ cụ Nguyễn Đình Chiểu và thơ kim</i>	58
Những cái lạ trong lối văn thơ	71
Hoa lục kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết) IV	73
Cảm tưởng với cuộc ngự giá hồi loan	81
Từ hàn : <i>thư chúc mừng II</i>	85
Tự học tiếng Anh Lê IV	89
Tự học tiếng Tàu IV	97
Việt Hán Pháp từ điển IV	105

Số 5 — Octobre 1932.

Giải thưởng văn học	1
Mấy điều thỉnh nguyện về việc bồi bổ cho nền văn học nước nhà	4
Một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc ngữ	12
Ảnh hưởng lão giáo tới thi ca nước ta	19
Dịch pháp văn	24
Lược khảo về văn học sử nước ta I	25
Văn học khảo cứu : Thân thế và văn chương hai ông họ Cao I	31
Những chuyện lý thú trên đàn văn : cụ nghệ Tân	39
Văn thơ	40
Dịch Hán văn : <i>Đặng vương các tự</i>	42
Tin tức làng văn	48

— I I I —

Tự học tiếng Ăng-Lê V	49
Hoa lư kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết) V	53

Số 6 — 1^{er} Novembre 1932.

Văn chương và thân thể hai cụ Nguyễn bình Khiêm và Nguyễn công Trứ	59
Văn-học khảo cứu: Thân thể và văn chương hai ông họ Cao II	66
Quốc văn bình giảng <i>Hoạn thư ghen</i> (Kiền)	73
Thi thoại; Hai nhà thi nhân Nam-kỳ hồi triều Tự Đức (ông Tôn thọ Trường và Phan văn Trị)	78
Mũi tên độc (tiểu thuyết đường rừng) I	82
Văn thơ	88
Lược khảo về văn-học sử nước ta II	90
Một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc ngữ	92
Bút phê bình	94
Tin tức trong làng văn	96
Hoa lư kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết) VI	97
Tự học tiếng Ăng-Lê VI	101
Tự học tiếng Tàu V	105
Việt Hán Pháp từ điển V	109

Số 7 — 15 Novembre 1932.

Thi họa	113
Một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc ngữ	122
Lược khảo về văn học sử nước ta III	123
Quốc văn bình giảng <i>Thăng Long hoài cổ</i>	131
Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn IV	134
Dịch Hán văn: Khóc Lâm Tử Nương	138
Bình luận sách mới	141
Những chuyện lý thú trên đàn văn	143
Tin tức trong làng văn	145
Văn thơ: <i>Thảo trang thi tập I</i>	149
Mũi tên độc (tiểu thuyết đường rừng) II	152
Tự học tiếng Ăng-Lê VII	158
Tự học tiếng Tàu VI	161
Việt Hán Pháp từ điển VI	165

Số 8 — 1^{er} Décembre 1932.

Tiếng ta rồi có thành văn chương không?	169
Thi với người	173
Quốc văn bình giảng: <i>thú Hương Sơn</i>	175
Thi thoại	179
Lược khảo về văn học sử nước ta IV	183
Một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc ngữ	189
Mũi tên độc (tiểu thuyết đường rừng) III	192

— IV —

Hoa lư kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết) VII	197
Tin tức trong làng văn : Giải thưởng Nobel	203
Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn V	206
Dịch Hán văn : viếng mã ông Thạch mạn Khanh	210
Vui cười	[Tế ông Đỗ Công] 212
Tự học tiếng Ăng-Lê VIII	213
Tự học tiếng Tàu VII	217

Số 9 — 15 Décembre 1932.

Quốc văn ta với chữ Hán quan hệ thế nào ?	215
Một quyển sách, hai tâm sự	219
Một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc ngữ	227
Một áng văn cổ: Chức cảm hồi văn dịch ra quốc văn	232
Thi thoại	236
Văn thơ : Thảo trang thi tập II	240
Bàn nữ thần dẫn giải I	243
Những chuyện lý thú trên đàn văn	247
Lược khảo về văn học sử nước ta V	249
Mũi tên độc (tiểu thuyết đường rừng) IV	253
Hoa lư kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết) VIII	257
Tự học tiếng Ăng-Lê IX	261
Tự học tiếng Tàu VIII	265
Viết Hán Pháp từ điển	269

CÁC TRANH ẢNH

Số 2 — Juin 1932

Ảnh cụ Nguyễn-Khuyến (Tam-Nguyên Yên-Đồ)

Số 3 — Juillet 1932.

Ảnh chụp tự tích cụ Nguyễn công Trứ

Số 4 — Août — Septembre 1932.

Chân-dung đức Bảo-Đại

Chân-dung cụ Phan-thanh-Giản và ảnh chụp tự tích cụ.

Số 5 — Octobre 1932.

Ảnh ông Nguyễn mạnh Tường

Ở bìa số 5 : ảnh đèn kỷ niệm cụ Nguyễn Công Trứ.

- 6 : — — — Nguyễn Du.
- 7 : tranh vẽ gác Khuê-Văn ở Văn-Miếu.
- 8 : ảnh đèn Thế-Miếu.
- 9 : ảnh lăng vua Minh-Mệnh.

CAO CHỮA RĂNG

堂 玉 海 膏 齒 固

Tục-ngữ có câu: « Thứ nhất đau mắt, thứ nhì nhức răng », nhức răng tuy là một bệnh thường, nhưng người có bệnh ấy đau đớn khó chịu, mất ăn mất ngủ, cũng đáng ghê lắm vậy.

Chúng tôi gần đây bị nhức răng, ngứa răng, lung-lay cả chân răng, mới ra công khảo-cứu, chế được một thứ cao xia vào răng, không những khỏi nhức khỏi ngứa mà thôi, mà chân răng lại thấy vững chắc như trước, chúng tôi lấy làm mừng rỡ vô cùng. Bà con mua dùng, ai cũng khen là thần-hiệu. Vậy ngài nào muốn dùng thứ cao ấy xin gửi cho 35 xu tem (timbres postes) — 15 xu cao và 20 xu cước bảo-đảm (recommandé) — chúng tôi xin gửi cao tới ngay.

Nay kính cáo.

HẢI-NGỌC ĐƯỜNG.

Thư gửi cho :

M^r Nguyễn huy-Cừ

TÚ - TÀI, LÀNG HOẰNG - NGHĨA,
PHỦ HOẰNG-HÓA, TỈNH THANH-HÓA
(ANNAM)

hotel

TAM-KY

KHACH LÂU

Nº 7 à 27 ROULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 à 171 & 178 à 182 RUE

BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ . MÁT MẼ VÀ SẠCH SẼ



CHỦ NHƠN : Huỳnh-huệ Ký

Ai muốn biết những sự
kỳ quan trong vũ-trũ?

Ai muốn học nghề bằng
những khoa-học có ích cho
người Việt-Nam.

NÊN XEM :

KHOA-HOC TAP-CHI

TIỂU THUYẾT NÊN ĐỌC

1. Bể trần chìm nổi
(Gia đình tiểu thuyết) giá 0\$12
 2. Giời có mắt
(Luân lý tiểu thuyết) giá 0\$12
 3. Cùng bạn thoa quần
(Cảnh thê tiểu thuyết) giá 0\$12
 4. Cảnh thu di hận
(Hiệp tình tiểu thuyết) giá 0\$50
 5. Thói đời đơn bạc
(Trình thám tiểu thuyết) giá 0\$38
 6. Học làm sang
(Hài kịch của Thái-Phỉ) giá 0\$25
- Có bán ở ĐÔNG - TÂY AN - QUÂN
193, Phố hàng Bông — Hanoi
Mua cả 6 quyền gửi bằng timbres
postes cũng được, cước chung 0\$65



LỘ NHUỘM

KIM THỜI

82, B^a Bonard 82. — Saigon

80 người thợ nhuộm tinh hảo
nhuộm ròng chàm annam, bảo
kiết không trở đỏ. Nhuộm theo
nước lãnh sông Hương, đen
huyền, mướt và mịn màng.

Xin quý bà nhuộm thử theo kiểu
Saigon thì quý bà được bằng lòng

NGUYỄN-KHẮC-TRƯỜNG

Cấp bằng trường thêu dệt thành Lyon (France)